

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ NINH BÌNH

**ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN BẮT, TẠM GIỮ,
TẠM GIAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ NINH BÌNH

**ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN BẮT, TẠM GIỮ,
TẠM GIAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. VÕ THỊ KIM OANH

HÀ NỘI - 2017

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI	7
1.1. Khái niệm biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi.....	7
1.2. Đặc điểm, ý nghĩa của việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi	19
1.3. Cơ sở quy định bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi	19
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI	28
2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988...	28
2.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003	32
2.3. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015	37
Chương 3: THỰC TIỄN ÁP DỤNG ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VIỆC ÁP DỤNG ĐÚNG BIỆN PHÁP BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI	48
3.1. Thực tiễn áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.....	48
3.2. Giải pháp đảm bảo việc áp dụng đúng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi.....	66
KẾT LUẬN	76
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	77

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật tố tụng hình sự
BPNC	: Biện pháp ngăn chặn
CQĐT	: Cơ quan điều tra
CSĐT	: Cảnh sát điều tra
TNHS	: Trách nhiệm hình sự

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Bảng thống kê số người dưới 18 tuổi bị bắt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến tháng 6/2016	49
Bảng 2.2. Bảng thống kê số người dưới 18 tuổi bị áp dụng biện pháp tạm giữ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến tháng 6/2016.....	51
Bảng 2.3. Bảng thống kê số người dưới 18 tuổi bị áp dụng biện pháp tạm giam trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến tháng 6/2016.....	53

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vấn đề chăm sóc, giáo dục và phòng ngừa, ngăn chặn người dưới 18 tuổi phạm tội là một việc làm không chỉ có ở Việt Nam mà tất cả các quốc gia trên thế giới đều đặc biệt quan tâm, nghiên cứu và thực hiện. Bởi thế hệ trẻ là tương lai của đất nước, là lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc vì một ngày mai tươi sáng, “*Trẻ em hôm nay thế giới ngày mai*”.

Với vai trò như vậy, trong Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 Điều 37 ghi nhận “*Trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội chăm sóc và giáo dục*”. Thể chế hóa điều đó có hệ thống các ngành luật, văn bản pháp luật, nghị quyết, chỉ thị đề cập đến như: Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004, Bộ luật hình sự năm 2015, Luật Tố tụng hình sự 2015, các chương trình hành động quốc gia vì trẻ em... Nhìn lại những chặng đường đã qua, Nhà nước ta đã và đang tiến hành rộng rãi việc chăm sóc giáo dục trẻ em, tạo dựng một môi trường xã hội trong sạch, lành mạnh. Nhiều trường học, lớp học với những mô hình đào tạo đa dạng, phong phú, kết hợp với việc học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia phát triển trên thế giới, chúng ta đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, trong phạm vi cả nước nói chung cũng như địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng vẫn tồn tại một thực trạng rất đáng lo ngại, đó là tình hình vi phạm pháp luật, đặc biệt là tình hình phạm tội do người dưới 18 tuổi thực hiện, với tính chất, mức độ, hành vi nguy hiểm ngày càng tăng và trở thành vấn đề nhức nhối của toàn xã hội. Chẳng hạn, các tội liên quan đến ma túy, giết người, cướp tài sản, hiếp dâm,... cùng với việc sử dụng vũ khí nóng, tụ tập thành các băng, ổ, nhóm hoạt động theo kiểu xã hội đen, gây nên tâm lý hoang mang lo sợ trong nhân dân, gây khó khăn cho công tác điều tra, khám phá tội phạm của lực lượng Công an nhân dân. Nhất là việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Các biện pháp ngăn chặn là một chế định pháp lý trong luật Tố tụng hình sự Việt Nam. Việc quy định và áp dụng đúng đắn các biện pháp ngăn chặn là sự đảm

bảo cho quá trình phát hiện nhanh chóng, chính xác, xử lý nghiêm minh, kịp thời mọi hành vi phạm tội, không cho người phạm tội tiếp tục thực hiện tội phạm, trốn tránh pháp luật, cản trở đến quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Đây là vấn đề nhạy cảm, đụng chạm đến quyền và lợi ích chính đáng của công dân. Thực tế những năm qua, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong Bộ luật Tố tụng hình sự cũng còn hạn chế nhất định, dẫn đến bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội, vi phạm nguyên tắc pháp chế XHCN, xâm phạm đến quyền con người, quyền công dân. Vì vậy, nắm vững những biện pháp ngăn chặn như bắt người, tạm giữ, tạm giam được quy định trong chương VII và chương XXVIII “*Thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi*” Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, là điều cần thiết, giúp cho điều tra viên nói chung và các điều tra viên Công an Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng vận dụng tốt vào thực tiễn hoạt động công tác. Tránh được những sai phạm đáng tiếc xảy ra, đồng thời nâng cao hiệu quả trong việc ngăn chặn người dưới 18 tuổi phạm tội.

Xuất phát từ những lý do trên, học viên chọn đề tài luận văn “**Áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh**” với mong muốn có những đóng góp cho việc bảo vệ tốt nhất quyền và lợi ích chính đáng của người dưới 18 tuổi, góp phần xây dựng thành công nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Chế định các biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là vấn đề được nhiều nhà khoa học trên thế giới và Việt Nam quan tâm nghiên cứu, tiếp cận theo những góc độ khác nhau. Ở Việt Nam, cũng có công trình như “*Những điều cần biết về bắt người, tạm giữ, tạm giam đúng pháp luật*” của Phạm Thanh Bình - Nguyễn Vạn Nguyên, Nhà xuất bản chính trị quốc gia (1993); “*Các biện pháp ngăn chặn trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam*” của Nguyễn Mai Bộ, Nhà xuất bản Công an nhân dân (1997); “*Các biện pháp ngăn chặn và những vấn đề nâng cao hiệu quả của chúng*” của Nguyễn Vạn Nguyên, Nhà xuất bản Công an nhân dân (1995); “*Chế định các biện pháp ngăn chặn theo Luật Tố tụng hình sự*

Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn” của TS. Nguyễn Trọng Phúc, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2015); “*Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam*” của Trần Hưng Bình, luận án tiến sĩ (2013); *Áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội theo Luật Tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)* của Lê Hữu Soái (2015), Luận văn thạc sĩ luật học,... Ngoài ra, còn có một số công trình, bài viết đăng trên các tạp chí Công an nhân dân, Tạp chí kiểm sát... Rất nhiều giáo trình giảng dạy ở bậc Đại học, cao đẳng như Trường Đại học Luật Hà Nội, khoa Luật của các học viện như Học viện Cảnh sát, Học viện an ninh... đã đề cập, nghiên cứu về các biện pháp ngăn chặn, không những thế các biện pháp ngăn chặn còn là đối tượng nghiên cứu của một số tài liệu chuyên ngành hoặc bình luận;... Tuy nhiên các bài viết này chỉ mới khai thác được một số khía cạnh về cách thức, phương pháp áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Các công trình khoa học mới chỉ nghiên cứu một cách tổng thể trên phạm vi rộng mà chưa đề cập đến những khó khăn vướng mắc và những giải pháp về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên từng địa phương cụ thể và những đặc trưng riêng của từng tỉnh.

Qua khảo sát của học viên thấy rằng, vấn đề áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên phạm vi cả nước nói chung và từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng vẫn còn nhiều vướng mắc, hạn chế chưa đạt được hiệu quả cao. Vì vậy, việc nghiên cứu đề tài là cần thiết và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đã đề ra trong giai đoạn hiện nay, định hướng đến năm 2020.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Với mục đích đánh giá thực trạng áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn TP Hồ Chí Minh của cơ quan Cảnh sát điều tra từ năm 2012 đến năm 6/2016, nhằm phát hiện những khó khăn vướng mắc, sơ hở, thiếu sót trong quá trình áp dụng các biện pháp theo luật

định của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó đề xuất những giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được những mục đích trên, luận văn tập trung vào những nhiệm vụ sau:

Một là, làm rõ lý luận cơ bản và quy định của pháp luật về các biện pháp bắt người, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Hai là, khảo sát, đánh giá thực trạng áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự của Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hồ Chí Minh.

Ba là, rút ra những kết quả đạt được, những tồn tại, thiếu sót, vướng mắc và đề xuất các giải pháp đảm bảo áp dụng đúng nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, đối tượng mà đề tài luận văn nghiên cứu là những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật và thực tiễn dưới góc độ khoa học pháp lý nhằm hoàn thiện việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của cơ quan Cảnh sát điều tra.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nhưng chủ yếu là các tội xâm phạm trật tự xã hội và ma túy.

- *Phạm vi về không gian*: địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Phạm vi thời gian*: từ năm 2012 đến 6/2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và các tội phạm do người dưới 18 tuổi thực hiện cùng với chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với nhóm đối tượng này.

Đồng thời dựa trên cơ sở những thành tựu đạt được của các khoa học như Luật quốc tế, Luật hình sự, Luật Tố tụng hình sự, Xã hội học, khoa học điều tra hình sự...

Quá trình nghiên cứu đề tài này, học viên kết hợp nhiều phương pháp: phân tích, so sánh, tổng hợp, khảo sát thực tế, tham khảo ý kiến của các cán bộ làm công tác nghiên cứu, đồng nghiệp trong hoạt động thực tiễn, tham khảo các tài liệu về tố tụng hình sự của một số nước trên thế giới để đánh giá, hệ thống hóa hoạt động áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi thực hiện.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

6.1. Ý nghĩa về mặt lý luận

Luận văn nghiên cứu một cách toàn diện và có hệ thống về hoạt động áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam; người dưới 18 tuổi phạm tội và thực trạng của hoạt động áp dụng các biện pháp này đối với người dưới 18 tuổi theo quy định của pháp luật Hình sự, Luật tố tụng hình sự Việt Nam. Tạo cơ sở cho việc nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, nâng cao niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và lực lượng Cảnh sát nhân dân nói chung và Cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

6.2. Ý nghĩa về mặt thực tiễn

Thông qua việc nghiên cứu, đề tài sẽ đánh giá được thực trạng của quy định pháp luật, hoạt động áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của cơ quan Cảnh sát điều

tra. Là cơ sở cho các cơ quan xây dựng pháp luật hoàn thiện hơn nữa các quy định của Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự về hoạt động áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Với những kết quả mà luận văn mang lại, có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo, nghiên cứu cho sinh viên, học viên các trường Đại học, Cao đẳng, trong và ngoài lực lượng Công an nhân dân; các cán bộ nghiên cứu, cán bộ đang làm nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh phòng chống loại tội phạm này.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, danh mục các từ viết tắt và bảng thống kê số liệu, nội dung của luận văn được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi.

Chương 2: Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi.

Chương 3: Thực tiễn áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và giải pháp đảm bảo việc áp dụng đúng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI

1.1. Khái niệm biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi

1.1.1. Khái niệm biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam

- Khái niệm biện pháp ngăn chặn

Bộ luật tố tụng hình sự quy định các biện pháp cưỡng chế nhà nước do cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng nhằm thực hiện những mục đích tố tụng nhất định. Trong đó, biện pháp ngăn chặn chiếm vị trí đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến thân thể, quyền con người, hạn chế quyền và tự do cá nhân được Hiến pháp ghi nhận. Chính vì vậy mà Bộ luật Tố tụng hình sự đã dành một chương riêng để quy định về các biện pháp ngăn chặn. Để việc hiểu và thực hiện tốt các quy định về biện pháp ngăn chặn, nhiều tài liệu, sách báo đã đưa ra những khái niệm khác nhau về các biện pháp ngăn chặn. Vậy các biện pháp ngăn chặn trong pháp luật tố tụng hình sự được hiểu như thế nào?

Theo từ điển phổ thông của ngành công an thì: *“Các biện pháp ngăn chặn trong phòng chống tội phạm là biện pháp chủ động đối phó kịp thời không để cho bọn phản cách mạng và bọn tội phạm khác thực hiện âm mưu phạm tội của chúng”*. Nội dung khái niệm này cho thấy, biện pháp ngăn chặn chủ yếu là tính chủ động tấn công phòng ngừa tội phạm mà chưa nêu ra được các chủ thể một cách rõ ràng, chưa nêu ra được những đối tượng bị áp dụng và những căn cứ nào dùng để giải quyết vụ án hình sự.

Theo tác giả Phạm Thanh Bình, Nguyễn Vạn Nguyên thì: Những biện pháp ngăn chặn là những biện pháp cưỡng chế cần thiết trong tố tụng hình sự do các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát hoặc Tòa án áp dụng đối với bị can, bị cáo và trong một số trường hợp pháp luật quy định, có thể áp dụng đối với cả những người chưa bị khởi tố (người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc trường hợp phạm tội quá tang) nhằm ngăn chặn những hành vi nguy hiểm cho xã hội của họ, ngăn ngừa họ

tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có hành động gây cản trở cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.

Về nội dung, khái niệm cơ bản đầy đủ nhưng vẫn chưa hoàn chỉnh vì khi bắt người phạm tội quả tang thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt khi trông thấy chứ không chỉ có Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án. Hay lực lượng quản lý giáo dục, cải tạo phạm nhân tiến hành công tác thi hành án phạt tù những cơ quan này có phải là cơ quan tiến hành tố tụng không?

Ngoài ra, còn một số khái niệm khác nữa về biện pháp ngăn chặn của các nhà khoa học nghiên cứu pháp luật, cán bộ làm công tác thực tiễn phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm được công bố trong các giáo trình luật Tố tụng hình sự Việt Nam, sách chuyên khảo, tạp chí chuyên ngành luật học. Các khái niệm đó đều dựa trên cơ sở phân tích nội dung của các quy phạm pháp luật tại Điều 61 BLTTHS năm 1988, Điều 79 BLTTHS năm 2003 và Điều 109 BLTTHS năm 2015, cũng như thực tiễn áp dụng chúng trong công tác đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm.

Những khái niệm trên đã nêu lên được khía cạnh này hay khía cạnh khác về biện pháp ngăn chặn và tương đối thống nhất khi đề cập đến bản chất pháp lý của chúng là sự cưỡng chế nhà nước. Tuy nhiên, vẫn chưa đưa ra được một khái niệm đầy đủ, khoa học chứa đựng tất cả các yếu tố cấu thành nên biện pháp ngăn chặn thể hiện ở các dấu hiệu đặc trưng như căn cứ, mục đích, thẩm quyền và đối tượng bị áp dụng biện pháp ngăn chặn. Vì vậy, cá nhân tôi cho rằng, một khái niệm hoàn chỉnh, chính xác về các biện pháp ngăn chặn thì trong khái niệm đó phải hàm chứa tất cả các dấu hiệu đặc trưng nói trên.

Tại điều 109 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã tiếp tục kế thừa nội dung của Điều 79 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, đồng thời bỏ đi các căn cứ áp chung, mở rộng hơn phạm vi đối tượng bị áp dụng và thẩm quyền áp biện pháp ngăn chặn: “Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội hoặc để bảo đảm thi hành án, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi thẩm quyền của mình có thể áp dụng biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn

cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú, tạm hoãn xuất cảnh”.

Tổng hợp từ những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và một số khái niệm trên, qua phân tích có thể rút ra khái niệm như sau: *“Biện pháp ngăn chặn là những biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi thẩm quyền của mình có thể áp dụng đối với người bị buộc tội (người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo) khi có căn cứ do Bộ luật này quy định, nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có hành động gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự”*.

Theo pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam năm 2015, các biện pháp ngăn chặn gồm: giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người, tạm giữ, tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm, cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh.

- Khái niệm biện pháp bắt người: Bắt người là một trong những hình thức thể hiện của BPNC. Bắt có tính chất khởi đầu cho việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tiếp theo. Bắt là một trong những biện pháp ngăn chặn có tính cưỡng chế nghiêm khắc vì vậy việc bắt nhất thiết phải tuân thủ các căn cứ, trình tự, thủ tục theo pháp luật quy định. Dựa vào quy định trong tố tụng hình sự ta có khái niệm: Bắt người là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi thẩm quyền của mình có thể áp dụng áp dụng đối với người bị buộc tội khi có căn cứ do Bộ luật này quy định, nhằm kịp thời ngăn chặn hành vi phạm tội của họ, ngăn ngừa họ trốn tránh pháp luật tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự.

- Khái niệm biện pháp tạm giữ, hiện nay, có rất nhiều quan niệm khác nhau về biện pháp tạm giữ nhưng căn cứ vào quy định của pháp luật Tố tụng hình sự qua các thời kỳ, ta có khái niệm tổng quát sau: Tạm giữ là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự, do cơ quan và người có thẩm quyền theo luật định áp dụng đối với những người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết

định truy nã nhằm ngăn chặn tội phạm, tạo điều kiện cho việc xử lý tội phạm được chính xác và kịp thời.

- Khái niệm niện pháp tạm giam, theo Bộ luật Tố tụng hình sự không có quy định cụ thể nào về khái niệm đối với biện pháp này. Tuy nhiên, căn cứ vào lý luận pháp lý và nội dung tại Điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 cũng như Điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 có thể đưa ra khái niệm về biện pháp tạm giam như sau: “Tạm giam là biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án hoặc người có thẩm quyền áp dụng đối với bị can, bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hay bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ để cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội”.

Qua khái niệm tạm giam cho thấy, đây là biện pháp có tính chất lựa chọn “*Có thể áp dụng*” tức là không phải bắt buộc áp dụng đồng loạt cho mọi bị can, bị cáo khi đã có đủ căn cứ mà những căn cứ mà chỉ là điều kiện đủ để áp dụng tạm giam. Các quy định về biện pháp tạm giam là cơ sở pháp lý cần thiết, quan trọng cho các Cơ quan tiến hành tố tụng và công dân trong cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Muốn áp dụng đúng đắn các quy định trước hết các quy định này phải chặt chẽ, đồng bộ và thống nhất.

Trên đây là những khái niệm cơ bản về các biện pháp bắt người, tạm giữ, tạm giam. Đối với mỗi biện pháp Luật tố tụng hình sự đều quy định những nội dung, trình tự, thủ tục, thẩm quyền, đối tượng áp dụng cụ thể. Trong thực tiễn áp dụng, các cơ quan tiến hành tố tụng phải dựa trên những quy định này để áp dụng sao cho có căn cứ, đúng pháp luật đồng thời phải đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo, có như vậy mới đạt được mục đích trong quá trình áp dụng, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đối với người bị buộc tội.

1.1.2. Khái niệm áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi

- Khái niệm người dưới 18 tuổi

Đối với người dưới 18 tuổi, hiện nay có khá nhiều khái niệm và cách hiểu khác nhau. Ở Việt Nam, thuật ngữ người “*chưa thành niên*” được quy định nhiều trong các văn bản pháp luật khác nhau. Điều 68 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định về áp dụng trách nhiệm hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội nêu rõ “*người chưa thành niên từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của chương này, đồng thời theo những quy định khác của phần chung Bộ luật không trái với những quy định của Chương này*”.

Điều 90 Bộ luật hình sự năm 2015 chỉ nêu chung “*Người từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự theo những quy định của Chương này; theo quy định khác của Phần thứ nhất của Bộ luật này không trái với quy định của Chương này*”.

Như vậy, hệ thống pháp luật nước ta cơ bản có sự thống nhất về khái niệm người chưa thành niên. Điều này cũng phù hợp với khái niệm người chưa thành niên trong các văn bản pháp luật quốc tế, trong đó có Công ước của Liên hiệp quốc về Quyền trẻ em năm 1989.

Tuy nhiên, không phải bất kỳ người chưa thành niên nào khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội cũng đều bị xem là tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự. Bên cạnh việc giới hạn về độ tuổi, Bộ luật hình sự nước ta còn căn cứ vào loại tội và hình thức lỗi để xác định trách nhiệm hình sự đối với một người khi thực hiện hành vi phạm tội. Xuất phát từ những đặc điểm trên Bộ luật hình sự năm 1999 quy định người chưa thành niên là những người dưới 18 tuổi, nhưng chỉ những người chưa thành niên từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi mới phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội, còn người chưa thành niên dưới 14 tuổi thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Trong đó, người từ đủ 14 tuổi trở lên nhưng chưa đủ 16 tuổi chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội rất nghiêm trọng do lỗi cố ý và tội đặc biệt nghiêm trọng, còn người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi loại tội. Như vậy tuổi bắt đầu có năng lực TNHS là từ đủ 14 tuổi và tuổi có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ là người từ đủ 16 tuổi trở lên.

Với mục đích, yêu cầu nhằm hoàn thiện cơ chế tố tụng để bảo vệ tốt nhất

quyền và lợi ích hợp pháp của người chưa thành niên; khắc phục những bất cập hạn chế trong thực tiễn xử lý các vụ án có người chưa thành niên tham gia tố tụng; bảo đảm sự tương thích với Công ước quốc tế về quyền trẻ em, đồng bộ với Luật bảo vệ và chăm sóc, giáo dục trẻ em; pháp điển hoá Thông tư liên tịch số 01 ngày 12/7/2011 hướng dẫn thi hành một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự đối với người tham gia tố tụng là người chưa thành niên, bảo đảm tính cụ thể hóa của Bộ luật và tăng cường vai trò giáo dục, phòng ngừa của gia đình, nhà trường và xã hội. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đã sử dụng thuật ngữ pháp lý “*người dưới 18 tuổi*” để thay thế cho thuật ngữ hiện dùng là “*người chưa thành niên*” nhằm đáp ứng yêu cầu thời gian tới đây sửa đổi Luật chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em. Như vậy việc sửa đổi tên gọi này phù hợp hơn trong thời điểm hiện nay và tránh có những cách hiểu khác nhau và không thống nhất không quá trình áp dụng các biện pháp ngăn chặn cũng như xử lý các đối tượng này trong tương lai.

Từ những phân tích trên có thể đưa ra định nghĩa về người dưới 18 tuổi phạm tội như sau: “*Người dưới 18 tuổi phạm tội là người có độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội được luật hình sự quy định là tội phạm và đã bị cơ quan tiến hành tố tụng hoặc cơ quan được giao tiến hành một số các hoạt động điều tra ra quyết định khởi tố và áp dụng một trong các biện pháp ngăn chặn trong Luật Tố tụng hình sự quy định*”.

- Khái niệm áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi

Qua việc phân tích các lý luận trên về người dưới 18 tuổi và khái niệm các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, ta rút ra được khái niệm về áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi như sau: *Biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi là những biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự do cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong phạm vi thẩm quyền của mình có thể áp dụng đối với người bị buộc tội (người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo) có độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi có căn cứ do Bộ luật này quy định, nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội, trốn tránh pháp luật hoặc có*

hành động gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự”.

Đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, mặc dù đối tượng này là những người chưa phát triển đầy đủ về thể chất, tâm lý và có năng lực trách nhiệm hình sự chưa đầy đủ nhưng họ vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Do đó, khi người dưới 18 tuổi phạm tội họ vẫn có thể bị áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam như đối với người phạm tội là người đủ 18 tuổi trở lên. Bởi vậy, những khái niệm chung nêu trên về các biện pháp ngăn chặn là khái niệm chung dành cho người đủ 18 tuổi trở lên và người dưới 18 tuổi.

1.2. Đặc điểm, ý nghĩa của việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi

1.2.1. Đặc điểm áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi

Biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi có đầy đủ các đặc điểm như khi áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên, đó là những quy định về căn cứ, thẩm quyền, trình tự thủ tục áp dụng. Các biện pháp này có mục đích kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn ngừa họ tiếp tục phạm tội cũng như không cho họ có những hành động làm cản trở hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; khi áp dụng cần phải tuân thủ theo những trình tự, thủ tục rất chặt chẽ do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định bởi lẽ đây là các biện pháp hạn chế một phần quyền con người, quyền công dân. Đặc điểm này tạo thành tính thống nhất trong hoạt động tố tụng khi áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam. Ngoài các đặc điểm chung khi áp dụng biện pháp ngăn chặn thì đối với người dưới 18 tuổi khi áp dụng biện pháp ngăn chặn còn có những đặc điểm riêng sau:

- Nguyên tắc áp dụng là chế định chịu sự điều chỉnh của pháp luật tố tụng hình sự, đồng thời nó cũng là chính sách hình sự của Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi. Hệ thống các nguyên tắc cơ bản của Bộ luật TTHS năm 2015 được quy định và bổ sung dựa trên các nguyên tắc được Hiến pháp 2013 ghi nhận, nhằm khắc phục những hạn chế của Bộ luật TTHS năm 2003. Bảo đảm cho các quy định về nguyên tắc cơ bản đúng nghĩa là những tư tưởng chỉ đạo đối với việc xây dựng và

thực hiện BLTTHS, tạo cơ sở cho việc hình thành những chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử của các chủ thể trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Nguyên tắc tổ tụng hình sự chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống quy phạm pháp luật tổ tụng hình sự, thể hiện bản chất của tổ tụng hình sự và tính dân chủ trong hoạt động tổ tụng hình sự, là cơ sở để xây dựng các nội dung trong BLTTHS năm 2015. Do đó, việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nói chung và đối với người dưới 18 tuổi nói riêng cần phải tuân thủ theo các nguyên tắc: phải đảm bảo pháp chế XHCN trong Tổ tụng hình sự; tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; bảo đảm quyền bình đẳng trước pháp luật; bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, an toàn và bí mật thư tín, điện tín của cá nhân; suy đoán vô tội; xác định sự thật của vụ án; bảo đảm quyền bào chữa của người bị buộc tội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự; trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trách nhiệm khởi tố và xử lý vụ án hình sự; trách nhiệm thực hành quyền công tố và kiểm sát việc tuân theo pháp luật tổ tụng hình sự; bảo đảm sự vô tư của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và một số nguyên tắc khác theo quy định của pháp luật Tổ tụng hình sự và luật hình sự ngoài ra còn phải dựa vào nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội...

- Căn cứ áp dụng, trên cơ sở các căn cứ chung như: để kịp thời ngăn chặn tội phạm, khi có căn cứ cho rằng người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử, khi có căn cứ cho rằng người bị buộc tội sẽ tiếp tục phạm tội, khi cần bảo đảm thi hành án thì có thể xem xét áp dụng một trong các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam. Tuy nhiên, để việc xác định và áp dụng loại biện pháp nào cho phù hợp và hiệu quả cần phải dựa trên cơ sở quy định của pháp luật về các biện pháp này và các quy định khác của tổ tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi.

- Mục đích áp dụng, cũng giống như các biện pháp ngăn chặn đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội, các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam áp dụng đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi với mục đích cuối cùng là kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ người bị buộc tội sẽ gây khó khăn cho

việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội, cũng như khi cần bảo đảm thi hành án hình sự. Qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho các thủ tục triều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được thuận lợi, đúng quy định, mang lại hiệu quả cao trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

- Chủ thể áp dụng, không phải ai tham gia vào quan hệ tố tụng hình sự cũng trở thành chủ thể có thẩm quyền áp dụng. Ngoài các cơ quan tiến hành tố tụng như: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án thì luật còn quy định một số chủ thể khác cũng có thẩm quyền áp dụng các biện pháp trong những trường hợp nhất định, như: người chỉ huy đồn biên phòng, chỉ huy tàu bay, tàu biển hay lực lượng hải quan, cảnh sát biên, kiểm ngư... Chủ thể áp dụng các biện pháp này là căn cứ để phân biệt biện pháp bắt tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự với các biện pháp ngăn chặn trong thủ tục hành chính.

Mặt khác, như chúng ta thấy người dưới 18 tuổi là đối tượng đặc biệt trong tố tụng hình sự, là những chủ thể tham gia tố tụng chưa phát triển hoàn thiện về tâm sinh lý cũng như nhân cách. Do đó, đây là nhóm người rất dễ bị tổn thương khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Bởi thế, trong quá trình áp dụng các biện pháp này đối với người dưới 18 tuổi, người tiến hành tố tụng phải đảm bảo có những hiểu biết về tâm lý học, khoa học giáo dục liên quan đến người dưới 18 tuổi, đồng thời phải có kiến thức, kinh nghiệm trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này, như vậy sẽ giúp cho việc giải quyết vụ án đạt hiệu quả nhanh hơn về mặt thời gian và đảm bảo đúng đắn trong việc áp dụng pháp luật tố tụng hình sự.

- Đối tượng bị áp dụng, khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật khác. Nhà nước đã có chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, chủ yếu là giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa những sai lầm, tạm điều kiện cho họ phát triển lành mạnh đến trở thành công dân có ích cho xã hội. Qua các thời kỳ phát triển của luật tố tụng hình sự, đối tượng bị áp dụng đối với người dưới 18 tuổi cũng dần thay đổi theo để phù hợp với quy định của Hiến pháp, Công ước về quyền trẻ em.

Đối với các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, Bộ luật tố tụng hình sự rất hạn chế áp dụng đối với người dưới 18 tuổi. Vì vậy khi áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam cơ quan tiến hành tố tụng phải xác định chính xác độ tuổi của họ cũng như các loại tội phạm mà họ thực hiện để thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Đối với từng biện pháp khác nhau thì sự phân hóa về độ tuổi và loại tội phạm cũng khác nhau, được quy định cụ thể tại Điều 303 BLTTHS năm 2003 và Điều 419 BLTTHS năm 2015. Cụ thể, đối tượng người dưới 18 tuổi (gọi chung là người bị buộc tội): người bị tạm giữ, bị can, bị cáo, người bị bắt (trường hợp bắt khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang) với các mức độ tuổi như từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi, từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi...

- Thủ tục áp dụng, trong quá trình tiến hành tố tụng thì thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi được tiến hành theo thủ tục chung, nhưng không được trái với các quy định về thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi. Hay nói cách khác, những quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam về bắt, tạm giữ, tạm giam được áp dụng chung cho tất cả các vụ án hình sự, nhưng nếu vụ án có người dưới 18 tuổi thì phải thực hiện theo thủ tục đối với người dưới 18 tuổi phạm tội ở một số quy định liên quan.

- Thời hạn áp dụng, do đặc điểm tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi chưa ổn định và hoàn thiện, dễ bị tổn thương nên trước khi áp dụng biện pháp ngăn chặn phải có sự cân nhắc kỹ trong đó, thời hạn áp dụng các biện pháp này là vấn đề cần phải được quan tâm và giám sát kỹ của các cơ quan tiến hành tố tụng. Nhìn chung, thời hạn tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi giống với trường hợp áp dụng đối với người từ đủ 18 tuổi trở lên phạm tội. Tuy nhiên, đối với người chưa thành niên thì phải cần hạn chế, tính toán để giảm tối đa thời gian áp dụng và khi có đủ điều kiện hoặc xét thấy không còn cần thiết thì phải hủy bỏ ngay việc áp dụng đối với họ tránh ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách cũng như tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi.

- Ngoài các đặc điểm nêu trên thì áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là một hoạt động áp dụng pháp luật. Áp

dụng pháp luật là một quá trình hoạt động có mục đích làm cho các quy định của pháp luật đi vào thực tiễn cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của các chủ thể áp dụng. Hoạt động áp dụng pháp luật nói chung và hoạt động áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi nói riêng chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi những yếu tố xã hội. Khi kinh tế phát triển, đời sống tinh thần, vật chất của người trực tiếp áp dụng pháp luật (*người tiến hành tố tụng*) và gia đình họ được cải thiện, giúp họ giảm bớt những khó khăn về vật chất từ đó họ có thể tận tâm dồn hết thời gian, sức lực, trí tuệ cho công việc, không bị mua chuộc về vật chất, giữ thái độ vô tư, khách quan trong khi làm nhiệm vụ. Như vậy thì tình trạng bắt oan sai, giam giữ người trái pháp luật sẽ hạn chế rất nhiều...

Yếu tố chính trị cũng ảnh hưởng mạnh mẽ tới hiệu quả của hoạt động áp dụng pháp luật của các cá nhân, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Một đất nước có môi trường chính trị ổn định, có một hệ thống pháp luật được xây dựng ổn định, phù hợp và có tính thống nhất cao là điều kiện thuận lợi đối với hoạt động áp dụng pháp luật, bởi nó củng cố niềm tin của người dân, để họ tin và đi theo Đảng. Một đất nước bất ổn về chính trị sẽ luôn khiến người dân hoang mang, lo lắng, dao động... từ đó dẫn đến tư tưởng của các chủ thể tiến hành cũng không ổn định mà như vậy thì hiệu quả áp dụng các biện pháp này cũng sẽ bị ảnh hưởng ít nhiều. Đây là một trong những yếu tố quan trọng cho việc áp dụng pháp luật hiệu quả, chính xác. Hiện nay Đảng ta luôn quan tâm chỉ đạo sâu sát đối với việc tuyên truyền và phổ biến kiến thức nhằm nâng cao ý thức chính trị cho các Đảng viên và đã đạt được kết quả tốt đẹp, để các Đảng viên luôn là những người đi trước, gương mẫu.

Ngoài những yếu tố trên thì hoạt động áp dụng các biện pháp ngăn chặn còn chịu ảnh hưởng của một số yếu tố khác như chất lượng hệ thống pháp luật, chất lượng của quy phạm pháp luật và nhiều yếu tố khác về đạo đức lối sống, văn hóa, truyền thông...

1.2.2. Ý nghĩa áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi

Các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự là những biện pháp cưỡng chế của nhà nước thể hiện tính mệnh lệnh, quyền uy. Vai trò của nhà nước trong hoạt động TTHS càng được phát huy, trở thành công cụ hữu ích để bảo vệ chế độ, bảo vệ xã hội. Việc áp dụng đúng đắn các biện pháp ngăn chặn có ý nghĩa rất lớn trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Cụ thể:

- Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn sẽ kịp thời ngăn chặn tội phạm. Tâm lý phạm tội chỉ ra rằng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, người có hành vi phạm tội thường có xu hướng sợ hãi do nhận thức được mức độ trừng phạt của pháp luật đối với hành vi cho nên sẽ tìm mọi cách lẩn trốn hoặc gây cản trở cho hoạt động tố tụng. Để ngăn ngừa mối nguy hại đối với xã hội, nhà nước buộc chủ thể có hành vi phạm tội phải bị xử lý theo quy định của pháp luật từ đó việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này được xem là bước đầu tiên để xem xét có bị truy tố, xét xử không.

- Áp dụng đúng đắn biện pháp ngăn chặn sẽ đảm bảo cho quá trình giải quyết vụ án hình sự khách quan, toàn diện, hạn chế tình trạng oan sai có thể xảy ra. Để thực hiện được mục đích này thì việc tuân thủ nghiêm ngặt các trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật, thực hiện theo nguyên tắc bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa được xem là yếu tố hàng đầu.

- Áp dụng biện pháp ngăn chặn là đảm bảo quan trọng trong việc tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Các quy định trong căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn là nhằm đạt được mục tiêu ngăn chặn và phòng chống tội phạm. Tuy vậy, không phải vì thế mà cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng một cách tràn lan, tùy tiện, thiếu căn cứ. Vì thế, đòi hỏi cơ quan, người tiến hành tố tụng phải tiến hành đúng theo trình tự, thủ tục và phải hết sức thận trọng trong hoạt động này.

- Ngoài ra, áp dụng biện pháp ngăn chặn còn góp phần quan trọng trong việc bảo vệ trật tự an toàn xã hội và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản, tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của công dân đồng thời trấn áp một cách kiên quyết tội phạm xảy ra vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn

minh. Để làm được điều đó, nhà nước phải có cách thức, phương pháp cụ thể nhằm trấn áp tội phạm có hiệu quả, bảo vệ chế độ, bảo vệ xã hội và các quan hệ xã hội khác cần được bảo vệ.

Thực hiện tốt việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn sẽ là tiền đề, cơ sở cho hoạt động tố tụng hình sự đạt hiệu quả, tránh được những vi phạm về quyền và nghĩa vụ của công dân, vừa thể hiện được tính quyền uy của nhà nước, vừa tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Đồng thời góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội một cách có hiệu quả.

1.3. Cơ sở quy định bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi

1.3.1. Đặc điểm của người dưới 18 tuổi

Do là chủ thể đặc biệt nên người dưới 18 tuổi phạm tội có một số đặc điểm khác biệt so với người đủ 18 tuổi trở lên, cụ thể như sau:

- Sự biến đổi nhanh về thể chất và tinh thần, đây là giai đoạn người dưới 18 tuổi có sự phát triển mạnh mẽ về thể chất và tinh thần, sự biến đổi sâu sắc về đời sống tâm sinh lý. Do vậy, người dưới 18 tuổi thường có nhu cầu độc lập, mong muốn được hành động, tự đưa ra quyết định theo cách nhận thức của bản thân hơn là để thỏa mãn đòi hỏi của xã hội, được thể hiện dưới các dạng hành vi như ngang ngược, cố chấp, bảo thủ, côn đồ... như một cách khẳng định sức mạnh, cái tôi của bản thân mà lại thiếu kìm chế được cảm xúc, dễ bị kích động, lôi kéo dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội. Nhà tâm lý học Xô viết L.C Vư-gốt-xki (1896 -1934) cho rằng “*tính chuyển tiếp*”, “*tính khủng hoảng*” là hạt nhân tâm lý quan trọng của sự phát triển ở lứa tuổi chưa thành niên.

Ý nghĩa của đặc điểm này giúp cho gia đình, nhà trường và xã hội nắm bắt được tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi trong giai đoạn này, từ đó có những biện pháp phù hợp trong việc giáo dục, đào tạo nhằm ngăn ngừa tình trạng các đối tượng này vi phạm pháp luật.

- Dễ bị môi trường tác động, đối với những người dưới 18 tuổi có điều kiện, mức sống bình thường thì hoạt động xã hội của họ ở giai đoạn này chủ yếu là môi

trường học tập tại nhà trường. Tính cách của các em thường phát triển theo khuynh hướng thích chứng tỏ mình đã là người lớn và mong muốn người xung quanh thừa nhận, do vậy, thường gặp sai lầm trong khi muốn xử lý gấp mọi vấn đề khó khăn gặp phải, nhằm chứng tỏ sự trưởng thành của mình. Khác với người đủ 18 tuổi khi vi phạm pháp luật luôn có động cơ, mục đích cụ thể, những người dưới 18 tuổi thường vi phạm pháp luật với suy nghĩ rất đơn giản, thậm chí chỉ do sự hiếu thắng, không tự chủ, có xu hướng sử dụng bạo lực thể chất, gây rối trật tự công cộng hoặc cố ý gây thương tích...

Như vậy, đặc điểm trước hết trong vi phạm pháp luật của người dưới 18 tuổi hầu hết là do tác động của môi trường, điều này đã giải thích vì sao động cơ, mục đích vi phạm pháp luật của người dưới 18 tuổi thường bộc phát, nhất thời và không có mục đích rõ ràng. Ngoài ra còn do hành động a dua, hùa theo bạn bè nên vi phạm pháp luật còn có yếu tố tập thể, tuy chưa đến mức vi phạm pháp luật có tổ chức (vì thiếu sự thống nhất ý chí, phân công nhiệm vụ...), nhưng là cách thức nhiều người cùng tham gia thực hiện một hành vi trái pháp luật, thể hiện rõ trong các vụ gây rối trật tự công cộng, đua xe trái phép...

Đặc điểm này giúp chúng ta khái quát được nguyên nhân cơ bản dẫn đến vi phạm pháp luật của người dưới 18 tuổi, từ đó có biện pháp chủ động trong ngăn chặn, phòng ngừa vi phạm ở các đối tượng ở lứa tuổi này.

- Nhận thức pháp luật hạn chế, các đối tượng ở lứa tuổi này còn rất non nớt về kiến thức xã hội và ý thức pháp luật, thường có trình độ văn hoá thấp, có suy nghĩ sai lệch về nghĩa vụ và trách nhiệm, họ không ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Một số trường hợp khi bị bắt các em vẫn chưa biết mình phạm tội, sau khi được giải thích thì các em mới biết mình sai và tỏ ra ăn năn, hối hận.

- Luôn có nhu cầu khám phá cái mới, như nói ở trên, đây là độ tuổi mà các em bắt đầu có sự nhận thức về thế giới của người lớn, các em rất muốn khám phá thế giới bên ngoài, khám phá cuộc sống xã hội xung quanh. Sự tò mò, hiếu động, luôn tìm kiếm, khám phá những cái mới là đặc điểm dễ nhận thấy nhất ở các em trong giai đoạn này. Chính xu hướng này sẽ hình thành ở các em những hứng thú

tiêu cực nếu không có sự kiểm tra, giám sát, uốn nắn, định hướng của gia đình, nhà trường. Một số các em thường bắt đầu tập tành thực hiện những hành vi như người lớn nhằm chứng tỏ bản lĩnh, bản thân đã trưởng thành... Vì vậy nếu không có sự quan tâm giáo dục kịp thời các em rất dễ vi phạm pháp luật.

Ngoài những tác động tích cực nêu trên, những đặc điểm đó lại là nguyên nhân dễ dẫn tới các hành vi lệch chuẩn như có những em vì tò mò muốn thể hiện bản thân, muốn khám phá sự bí ẩn của “nàng tiên nâu” mà dẫn đến nghiện hút, có em muốn thể hiện sự “yêu hùng”, “đại ca” của mình mà đua xe trái phép, gây gỗ, đánh nhau, có em quan hệ giao tiếp với bạn bè khác giới quá giới hạn mà mang thai, sinh con dẫn đến vi phạm pháp luật, vi phạm các quan hệ về đạo đức, thuần phong mỹ tục của dân tộc. Ở tuổi này cũng xuất hiện các phẩm chất tâm lý có ảnh hưởng tiêu cực đến nhận thức tình cảm và lý trí của các em như: tính hung bạo, dễ cáu giận, lo lắng, tỏ ra bướng bỉnh, chống đối và phản kháng, thậm chí thô bạo, ngang ngược,...những đặc điểm đó là nguyên nhân quan trọng dẫn đến hành vi mang tính bạo lực của trẻ em, chỉ cần xô sát nhỏ với bạn bè là có thể dẫn tới hành vi bạo lực và đưa đến hậu quả nghiêm trọng.

Tóm lại, ở độ tuổi dưới 18, những tiền đề cơ bản của một nhân cách hoàn chỉnh đang được tạo thành và là cơ sở cho sự phát triển của cả thể chất lẫn tinh thần và nhận thức của các em. Vì vậy, sự biến đổi trong thời kỳ này là vô cùng quan trọng cần được chú trọng, những biến đổi này đôi khi mang tính chất phá vỡ tận gốc những đặc điểm, những hứng thú và quan hệ đã có từ trước. Sự phát triển này có tính mạnh mẽ và nhảy vọt. Nếu không biết và không chú trọng đến thì quá trình giáo dục, phòng ngừa sẽ không hiệu quả và sự hình thành nhân cách có thể diễn ra một cách tự phát gây khó khăn lớn cho công tác giáo dục, cho quan hệ giữa trẻ và người lớn. Vì thế, đã có một số em vi phạm pháp luật và trở thành người phạm tội, cho nên cần phải xem xét đến năng lực trách nhiệm hình sự, đồng thời căn cứ vào tình hình cụ thể mà pháp luật của mỗi quốc gia quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự của người dưới 18 tuổi phạm tội.

1.3.2. Chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi

Chế định chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội, là vấn đề lớn cả về nội dung cũng như về mặt hình thức.

- Xuất phát từ đặc điểm tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi, trên cơ sở niềm tin vào khả năng cải tạo, giáo dục người dưới 18 tuổi phạm tội, nên chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước luôn mong muốn giúp họ tích cực cải tạo, sửa chữa sai lầm để trở thành người có ích cho xã hội. Chính sách này được thể hiện rõ nét tại Điều 69 Bộ luật hình sự năm 2003 và được tiếp tục kế thừa phát huy tại Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015. Đây là nội dung thể hiện trực tiếp chính sách hình sự của Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng như thực hiện các cam kết trong các văn kiện quốc tế có liên quan. Trong mọi trường hợp điều tra, truy tố, xét xử hành vi phạm tội của người dưới 18 tuổi, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phải xác định khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm. Đây là nguyên tắc mang tính chỉ đạo, thể hiện chính sách hình sự của Đảng và nhà nước ta trong quá trình xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội.

- Người dưới 18 tuổi phạm tội có thể được miễn trách nhiệm hình sự, nếu người đó phạm tội ít nghiêm trọng, gây hại không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và được gia đình hoặc cơ quan, tổ chức nhận giám sát, giáo dục. Việc Nhà nước quy định nguyên tắc người dưới 18 tuổi có thể được miễn trách nhiệm hình sự khi có đủ những điều kiện luật định càng thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của Nhà nước ta, đồng thời thể hiện rõ nét đường lối xử lý về hình sự, đó là: bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa các biện pháp cưỡng chế hình sự nghiêm khắc nhất của Nhà nước với các biện pháp tác động xã hội khác để cải tạo, giáo dục người phạm tội, bằng cách đó hạn chế áp dụng các biện pháp mang tính trấn áp (trừng trị) về mặt hình sự.

Việc truy cứu trách nhiệm hình sự người dưới 18 tuổi phạm tội và áp dụng hình phạt đối với họ được thực hiện chỉ trong trường hợp cần thiết và phải căn cứ vào tính chất của hành vi phạm tội, những đặc điểm về nhân thân và yêu cầu của việc phòng ngừa tội phạm. Đây là quy định phù hợp với pháp luật quốc tế về

nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Theo nguyên tắc này thì không phải mọi trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc truy cứu trách nhiệm hình sự chỉ được đặt ra khi nó thật sự cần thiết và xuất phát từ yêu cầu phòng ngừa tội phạm. Ngay kể cả khi người dưới 18 tuổi phạm tội và bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì họ vẫn có khả năng không bị áp dụng hình phạt.

Trên tinh thần đó của Bộ luật hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiếp tục kế thừa đồng thời sửa đổi, bổ sung những nội dung mới đối với đối tượng này tại Chương XXXVIII, trong đó Điều 414 có quy định những nguyên tắc tiến hành tố tụng đối với người chưa như bảo đảm thủ tục tố tụng thân thiện, phù hợp với tâm lý, lứa tuổi, mức độ trưởng thành, khả năng nhận thức của người dưới 18 tuổi; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cũng như lợi ích tốt nhất của họ; bảo đảm các nguyên tắc xử lý của Bộ luật hình sự đối với người 18 tuổi.

1.3.3. Công ước quốc tế về quyền con người - quyền trẻ em

Kể từ khi Liên hợp quốc ra đời, năm 1945 đặc biệt từ khi Bộ luật quốc tế về quyền con người (bao gồm Tuyên ngôn thế giới về quyền con người 1948; Công ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị 1966; Công ước quốc tế các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa 1966), quyền con người đã vượt khỏi phạm vi quốc gia trở thành Luật quốc tế. Bên cạnh đó, ở tất cả các quốc gia, từ xưa đến nay, trẻ em là đối tượng được quan tâm, chăm sóc đặc biệt kể cả khi họ vi phạm pháp luật, thì nhân loại luôn dành cho các em sự cảm thông, chia sẻ, giúp các em trở lại với cuộc sống bình thường, giúp đỡ các em khẳng định tư cách của mình trong gia đình và xã hội, trong học tập và lao động, bởi vậy, Liên hợp quốc đã ban hành nhiều văn kiện về tư pháp người dưới 18 tuổi như: Công ước về quyền trẻ em năm 1989 cùng với hai Nghị định thư không bắt buộc của công ước này (Nghị định thư về “*sử dụng trẻ em trong xung đột vũ trang*”, Nghị định thư về “*buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm*”, đều được Việt Nam phê chuẩn ngày 20/12/2001); Những quy tắc tối thiểu của Liên hợp quốc về áp dụng pháp luật đối với người dưới 18 tuổi hay còn gọi là Quy tắc Bắc Kinh, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày

20/11/1985; Hướng dẫn Riát, được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua ngày 24/12/1990; Những quy tắc tối thiểu, phổ biến của Liên hợp quốc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước quyền tự do, được Liên hợp quốc thông qua ngày 14/12/1990.

Nội dung các quy định trong các Công ước, quy tắc có tính đến sự đa dạng và cơ cấu pháp luật của các quốc gia, phản ánh mục đích và tinh thần của tư pháp người dưới 18 tuổi. Đề ra những nguyên tắc mong muốn về thông lệ đối với việc xử lý người dưới 18 tuổi đồng thời đảm bảo rằng, trong quá trình thực thi và áp dụng pháp luật thì quyền của người dưới 18 tuổi, kể cả trong trường hợp họ là đối tượng thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội không bị vi phạm.

Để thực hiện được mong muốn và tinh thần nêu trên, Công ước và một số quy tắc hướng dẫn khác đã thể hiện khá đầy đủ và tập trung các quyền cụ thể của người dưới 18 tuổi cũng như những lưu ý đối với việc xây dựng hệ thống pháp luật và việc áp dụng pháp luật nhằm bảo đảm quyền con người, quyền trẻ em của người dưới 18 tuổi khi các em phạm tội.

Điều 37 của Công ước quy định, người dưới 18 tuổi phải được bảo vệ tránh khỏi những hành vi làm mất phẩm giá. Người dưới 18 tuổi chỉ bị bắt, bị giam giữ và áp dụng hình phạt khi không thể áp dụng các biện pháp thay thế. Trong trường hợp bị giam giữ, các em phải được đối xử nhân đạo và việc giam giữ theo chế độ riêng phù hợp với sự phát triển của lứa tuổi và cả tâm sinh lý.

Điều 40 của Công ước có nêu ra một nguyên tắc chung định hướng hành động có liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội như sau: “Mọi trẻ bị cáo buộc, buộc tội hoặc bị coi là vi phạm luật hình sự đều có quyền được đối xử phù hợp với sự phát triển ý thức về nhân phẩm và phẩm chất của trẻ. Sự phát triển ý thức đó giúp tăng thêm ý thức tôn trọng các quyền con người và quyền tự do cơ bản của người khác; giúp xem xét khía cạnh lứa tuổi của trẻ và mong muốn của chúng về sự tái hòa nhập cộng đồng”. Quy tắc Bắc Kinh đề ra các tiêu chuẩn tối thiểu, toàn diện về việc áp dụng pháp luật với người dưới 18 tuổi. Các quy tắc này hướng dẫn các quốc gia thành viên khi xây dựng các hệ thống tư pháp riêng cho người dưới 18 tuổi

theo nghĩa vụ được quy định tại Điều 49 của Công ước về quyền trẻ em. Nội dung của điều này là cơ sở để các quốc gia thành viên xây dựng và ban hành các luật, quy tắc, thể chế để áp dụng riêng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đồng thời bảo vệ các quyền cơ bản của họ.

Tóm lại, quyền của người dưới 18 tuổi phạm tội là vấn đề nhạy cảm, luôn luôn có nguy cơ bị xâm hại, cho nên pháp luật quốc tế bằng những quy định, khuyến nghị của mình tạo ra các điều kiện, trình tự khác nhau, một mặt buộc các cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phải tuân theo, mặt khác tạo cơ sở vững chắc cho chính người dưới 18 tuổi bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chính mình.

1.3.4. Hiến pháp - quan điểm của Đảng và Nhà nước về cải cách tư pháp

Công cuộc cải cách tư pháp trong những năm gần đây được Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm. Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được của việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, ngày 02/6/2005, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 49-NQ/TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 với mục tiêu xuyên suốt là xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân,... Nhằm tạo sự chuyển biến mang tính đột phá trong cuộc đấu tranh bảo vệ công lý, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, của công dân trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Hiến pháp năm 2013 được ban hành và thông qua là một minh chứng. Việc ban hành này đã đặt ra nhiều yêu cầu mới và quan trọng. Mục tiêu cơ bản và quan trọng nhất của Hiến pháp 2013 là tiếp tục phát huy dân chủ, bảo đảm quyền công dân, bảo đảm thực hiện tốt hơn quyền con người, quyền công dân, đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ trong tư duy lý luận của Đảng và Nhà nước ta trong một loạt vấn đề của Đảng và sự nghiệp đổi mới đất nước trong đó có vấn đề quyền con người, quyền công dân. Chỉ thị số 12/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng năm 1992 về vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta xác định quyền con người là mục tiêu, động lực của sự phát triển, là bản chất của chế độ

ta, Chỉ thị xác định: “Đối với chúng ta, vấn đề quyền con người được đặt ra xuất phát từ mục tiêu của Chủ nghĩa xã hội, từ bản chất của chế độ ta và bao quát rộng rãi nhiều lĩnh vực, từ chính trị, tư tưởng, văn hóa đến kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng...”. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung và phát triển năm 2011) cũng chỉ rõ: “quan tâm hơn nữa việc chăm lo hạnh phúc và sự phát triển tự do, toàn diện của con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con người, tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết”. Khẳng định mạnh mẽ bản chất nhà nước ta là nhà nước thực hiện chủ quyền nhân dân, thực hành dân chủ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân và bảo đảm quyền lực của nhân dân, Điều 2 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: “Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ. Tất cả quyền Nhà nước thuộc về nhân dân...”.

Kết luận chương 1

Áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi là một hoạt động quan trọng trong quá trình giải quyết vụ án của Cơ quan điều tra. Đây là những biện pháp có tính nghiêm khắc vì người bị áp dụng các biện pháp này sẽ bị hạn chế một số quyền cơ bản của công dân được quy định trong Hiến pháp. Vì vậy cần phải có cách hiểu phù hợp về khái niệm cũng như những đặc điểm của các biện pháp này, có như thế thì việc bắt, tạm giữ, tạm giam mới có sự thống nhất và mang lại hiệu quả cao trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm người dưới 18 tuổi nói riêng.

Người chưa thành niên phạm tội là người có độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi, hay nói cách khác, là một dạng chủ thể thực hiện hành vi phạm tội đặc biệt. Các quốc gia trên thế giới và ngay cả hệ thống pháp luật Việt Nam cũng chưa có khái niệm thống nhất. Do vậy, việc xác định khái niệm người chưa thành niên và vị thành niên là hai khái niệm với cách gọi khác nhưng cùng thống nhất xác định là người có độ tuổi từ 14 đến dưới 18 tuổi. Trên tinh thần đó để thống nhất cách gọi, dễ dàng trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế và xử lý các chủ thể đặc biệt

này BLTTHS năm 2015 đã đổi cách gọi “*người chưa thành niên*” thành “*người dưới 18 tuổi*”. Việc thay đổi này có ý nghĩa rất quan trọng trong hoạt động tố tụng nói chung và hoạt động áp dụng biện pháp ngăn chặn nói riêng trong quá trình giải quyết vụ án. Để xác định chính xác căn cứ, mục đích, trình tự thủ tục, thẩm quyền áp dụng của các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cần phải dựa vào những cơ sở lý luận nhất định, có như vậy thì khi đưa vào áp dụng mới có tính thống nhất nhưng vẫn không tách rời những quy định của Luật quốc tế và luật trong nước. Những nội dung quy định của pháp luật về vấn đề này sẽ được người viết phân tích, làm rõ tại Chương 2 .

CHƯƠNG 2

QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ VỀ ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI

2.1. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988

Qua tìm hiểu truyền thống pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ năm 1945, có thể thấy rằng, các biện pháp ngăn chặn đối với người phạm tội đã sớm được hiến định. Trong điều kiện thù trong, giặc ngoài nhưng bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta đã có những tư tưởng mang tính nguyên tắc, định hướng cho các mối quan hệ trong xã hội trong đó việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự. Ngày 20/05/1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Luật số 103 - SL.005 về *“đảm bảo quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của nhân dân”*. Sắc lệnh này cũng quy định cụ thể các biện pháp bắt người phạm pháp (Chương II) và tạm giữ, tạm giam, tạm tha (Chương III). Bổ sung vào chế định áp dụng biện pháp ngăn chặn người phạm tội còn có các quy định tại Sắc lệnh 005 ngày 20/5/1957, Sắc lệnh 002 ngày 18/6/1957, Sắc lệnh 02 ngày 15/3/1976. Tất cả các văn kiện trên là minh chứng cho việc áp dụng biện pháp ngăn chặn trong pháp luật tố tụng hình sự của Nhà nước ta từ trước đến nay luôn được xây dựng theo hướng kế thừa có chọn lọc và từng bước hoàn thiện.

Tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa VIII, ngày 28/6/1988 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Bộ luật tố tụng hình sự, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1989. Đây là một bước tiến quan trọng trong lịch sử hình thành tố tụng hình sự của Việt Nam. Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988 ra đời, qua ba lần sửa đổi, bổ sung, đã dành toàn bộ chương XXXI - Thủ tục đặc biệt, phần thứ VII để quy định về những bị can, bị cáo là người chưa thành niên (từ Điều 271 đến Điều 280). Đây là sự kế thừa và phát triển pháp luật tố tụng hình sự dành cho người dưới 18 tuổi của Nhà nước ta. Ngoài ra, để đảm bảo chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử các cơ quan có thẩm quyền đã ban hành những văn bản dưới luật đơn ngành,

liên ngành hướng dẫn thi hành Chương XXXI - Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988. Khi áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người chưa thành niên phải thực hiện theo đúng những quy định về căn cứ, điều kiện, thẩm quyền và thủ tục được quy định tại các Điều 62, 63, 64, 68, 70, 73, 74, 75 và Điều 76. Ngoài ra, khi áp dụng biện pháp ngăn chặn còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 273 của bộ luật đối với người chưa thành niên.

2.1.1. Căn cứ áp dụng

Theo quy định tại Điều 273 BLTTHS năm 1988 thì việc bắt, tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên được hiểu:

Thứ nhất, việc bắt bị can, bị cáo để tạm giam, bắt người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã là người chưa thành niên chỉ được áp dụng đối với những trường hợp sau:

- Người từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi nếu có đủ căn cứ quy định tại các Điều 62, 63, 64, nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu có đủ căn cứ quy định tại các Điều 62, 63, 64, nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

Thứ hai, việc tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên chỉ được áp dụng trong trường hợp sau:

- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi nếu có đủ căn cứ quy định tại Điều 68, và Điều 71, nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nếu có căn cứ quy định tại Điều 68 và Điều 71, nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng

2.1.2. Thẩm quyền áp dụng

Thẩm quyền áp dụng biện pháp bắt tạm giữ tạm giam được quy định cụ thể tại các Điều 62, 63, 64, 68 và 70 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988.

- Thẩm quyền bị can, bị cáo để tạm giam cũng là những người ra lệnh tạm giam, gồm: Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp; Chánh án, Phó chánh án Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp; Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh hoặc Tòa án quân sự cấp quân khu trở lên chủ tọa phiên tòa; Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra cấp tỉnh và cấp quân khu trở lên. Trong trường hợp này lệnh bắt phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành (Điều 62 và Điều 70).

- Những người ra lệnh bắt người trong trường hợp khẩn cấp: Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp và cấp quân khu trở lên; Người chỉ huy của đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn; người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo hoặc biên giới; Người chỉ huy máy bay, tàu biển, khí máy bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng (Điều 63).

- Đối với trường hợp bắt người phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã thì người nào cũng có quyền tước vũ khí, hung khí của người bị bắt.

- Người có thẩm quyền tạm giữ gồm: Thủ trưởng, Phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp và cấp quân khu trở lên (Điều 68).

Những quy định nêu trên về thẩm quyền áp dụng bắt, tạm giữ, tạm giam được áp dụng cho tất cả những người phạm tội. Tuy nhiên, đối với người chưa thành niên luật còn có những quy định riêng mà khi áp dụng các chủ thể này cần phải tuân thủ thực hiện. Điều 272 quy định về điều tra, truy tố, xét xử yêu cầu: Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán tiến hành tố tụng về những vụ án có người chưa thành niên phạm tội phải có những hiểu biết cần thiết về tâm lý học, về khoa học giáo dục cũng như về hoạt động đấu tranh phòng và chống tội phạm của người chưa thành niên.

2.1.4. Thủ tục áp dụng

Việc bắt, tạm giữ, tạm giam phải có lệnh, có người chứng kiến, không được bắt vào ban đêm trừ trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang; Khi tạm giữ, tạm giam người chưa thành niên phạm tội phải giam giữ riêng họ, tách khỏi các đối tượng khác.

Ngoài ra, trong trường hợp người chưa thành niên không bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn của tố tụng hình sự thì cơ quan tiến hành tố tụng có thể giao cho cha mẹ hoặc người đỡ đầu của họ giám sát để đảm bảo sự có mặt của họ khi có giấy triệu tập. Người được giao nhiệm vụ giám sát có nghĩa vụ giám sát chặt chẽ người chưa thành niên, theo dõi tư cách đạo đức và giáo dục người đó.

2.1.5. Thời hạn áp dụng

- Thời hạn tạm giữ không được quá ba ngày đêm, kể từ khi cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Trong trường hợp cần thiết cơ quan ra lệnh tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá ba ngày đêm. Thời gian tạm giữ được tính vào thời hạn tạm giam.

- Thời hạn tạm giam để điều tra không quá 02 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, không quá 03 tháng đối với tội phạm nghiêm trọng, không quá 04 tháng đối với tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng. Trong trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, xét cần phải có thời gian dài hơn cho việc điều tra và không có căn cứ để thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp tạm giam thì chậm nhất là mười ngày trước khi hết hạn tạm giam, cơ quan điều tra phải có văn bản đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát gia hạn tạm giam. Việc gia hạn tạm giam quy định cụ thể tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 sửa đổi, bổ sung năm 2000.

Khi đã hết thời hạn tạm giam thì người ra lệnh tạm giam phải trả tự do cho người bị tạm giam hoặc xét cần thì áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

Tuy nhiên, ở giai đoạn này, chính quyền non trẻ của chúng ta còn gặp nhiều khó khăn nên chưa có điều kiện quan tâm sâu sắc đến từng đối tượng cụ thể, do đó không có những quy định riêng về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội mà chỉ quy định chung, chính vì vậy quyền lợi của những đối tượng này chưa được bảo đảm một cách triệt để. Bên cạnh đó, trong các quy định của pháp luật tố tụng hình sự nói chung vẫn còn bộc lộ những bất cập, tình trạng oan sai, vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân trong điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn xảy ra nhiều và phức tạp. Bởi thế, việc ban hành Bộ luật tố tụng hình sự để khắc phục những bất cập, thiếu sót trên là yêu cầu cấp bách và cần thiết.

2.2. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003

Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 (với 346 điều) được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003, thay thế Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988 và các luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng hình sự được Quốc hội thông qua ngày 30/6/1990, ngày 22/12/1992 và ngày 9/6/2000. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đã thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta. Theo đó, chế định về biện pháp ngăn chặn cũng được nghiên cứu, sửa đổi cho phù hợp. Nội dung này được quy định tại Chương VI “*Những biện pháp ngăn chặn*” gồm có 16 điều (từ Điều 79 đến Điều 94) và Chương XXXII “*Thủ tục đối với người chưa thành niên*” gồm 10 điều (từ Điều 301 đến Điều 310). So với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định về thủ tục đối với người chưa thành niên đã mở rộng đối tượng áp dụng không chỉ bị can, bị cáo mà còn có cả người bị bắt, người bị tạm giữ (Chương XXXI Bộ luật tố tụng hình sự năm 1988), phạm vi cũng xác định rõ, đối với người chưa thành niên ngoài việc áp dụng những quy định tại Chương XXXII Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, khi tiến hành tố tụng, cơ quan tố tụng có thẩm quyền còn phải chú ý áp dụng những quy định khác của bộ luật nhưng không được trái với quy định của chương này. Tuy nhiên, nhìn chung không có sự thay đổi nhiều về quy định thủ tục đối với đối tượng này bởi nguyên tắc xuyên suốt của pháp luật hình sự nước ta về xử lý người chưa thành niên phạm tội vẫn chủ yếu là giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa những sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội.

2.2.1. Căn cứ áp dụng

Theo Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, việc bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi chỉ được tiến hành khi có những căn cứ quy định tại các điều 80, 81, 82, 86 và 120. Ngoài ra chỉ được áp dụng theo độ tuổi và theo tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội như điều luật đã quy định tại Điều 303.

- Biện pháp bắt người cơ bản vẫn giữ nguyên như BLTTHS năm 1988, có 3 trường hợp bắt: Bắt bị can, bị cáo để tạm giam, bắt người trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã.

+ Bắt bị can, bị cáo để tạm giam: Điều 80 không quy định căn cứ áp dụng biện pháp này, vì vậy việc bắt bị can, bị cáo để tạm giam chỉ có thể áp dụng khi có một trong các căn cứ chung quy định tại Điều 79. Tuy vậy, không phải khi có căn cứ trên thì có thể bắt mà việc bắt này có quan hệ chặt chẽ với biện pháp tạm giam, do đó khi áp dụng biện pháp này không thể không xem xét đến các điều kiện áp dụng biện pháp tạm giam quy định tại Điều 88 và Điều 303 của Bộ luật này đối với người chưa thành niên. *Một là*, người bị bắt chỉ có thể là bị can, bị cáo; *hai là*, người đó phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, hoặc phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù trên 02 năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở hoạt động tố tụng.

+ Bắt người trong trường hợp khẩn cấp, để bắt người trong trường hợp này thì phải có một trong ba căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 81: *một là*, khi có căn cứ để cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng; *hai là*, khi người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn; *ba là*, khi thấy có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

- Bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã được quy định tại Điều 82 của BLTTHS năm 2003, khi có một trong các căn cứ sau thì được bắt quả tang: *một là*, đang thực hiện tội phạm thì bị phát hiện; *hai là*, ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện; *ba là*, đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị đuổi bắt; căn cứ để bắt người đang bị truy nã: người đó phải là người đang bị truy nã.

- Tạm giữ có thể áp dụng đối với người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã. Đây cũng là những căn cứ áp dụng biện pháp này.

- Tạm giam, có thể được áp dụng đối với bị can, bị cáo trong những trường hợp sau đây: *một là*, bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm tội rất nghiêm trọng; *hai là*, bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà Bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội. Đây là biện pháp nghiêm khắc nên không phải trong mọi trường hợp đều áp dụng biện pháp này mà chỉ áp dụng trong trường hợp không có căn cứ để áp dụng biện pháp khác.

Tuy nhiên, việc bắt, tạm giữ, tạm giam ngoài việc dựa vào các căn cứ quy định tại các Điều 80, 82, 82, 86 và 120 thì còn phải dựa căn cứ áp dụng đối với người dưới 18 tuổi theo độ tuổi và tính chất của hành vi phạm tội quy định tại Điều 303. Cụ thể:

+ Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nhưng chỉ trong những trường hợp rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng;

+ Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi chỉ có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam trong những trường hợp phạm tội nghiêm trọng do cố ý, phạm tội rất nghiêm trọng hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng.

+ Nếu họ phạm tội ít nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng do cố ý thì mặc dù vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự đối với các tội đó nhưng họ không áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam.

2.2.2. Thẩm quyền áp dụng

Thẩm quyền áp dụng không thay đổi nhiều so với BL TTHS năm 1988.

- Đối với biện pháp bắt người, trường hợp bắt bị can, bị cáo để tạm giam và biện pháp tạm giam: chủ thể có quyền ra lệnh tạm giam những người có thẩm quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam thì có thẩm quyền ra lệnh, quyết định tạm

giam, cụ thể: Thủ trưởng, phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp. Trong trường hợp này lệnh bắt phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành; Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp; Chánh án, Phó chánh án Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp; Thẩm phán và Hội đồng xét xử. (Điều 80, 88 BLTTHS năm 2003); đối với trường hợp bắt người phạm tội quả tang hoặc người đang bị truy nã vẫn giữ nguyên tinh thần theo Điều 64 BLTTHS năm 1988 là bất cứ ai trông thấy cũng có quyền bắt và giải đến Cơ quan công an, Viện kiểm sát và Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.

- Những người ra lệnh bắt khẩn cấp cũng có quyền ra quyết định tạm giữ: Thủ trưởng, phó thủ trưởng Cơ quan điều tra các cấp; người chỉ huy đơn vị độc lập cấp trung đoàn hoặc tương đương; người chỉ huy đồn biên phòng ở biên giới và hải đảo; người chỉ huy tàu bay tàu biển khi tàu bay, tàu biển rời sân bay, bến cảng. Ngoài ra, đối với biện pháp tạm giữ còn có thêm chủ thể: chỉ huy trưởng vùng cảnh sát biển.

Ngoài những chủ thể này, những người tiến hành tố tụng khi giải quyết những vụ án có người dưới 18 tuổi phạm tội phải theo quy định tại khoản 1 Điều 302 BLTTHS năm 2003. Nội dung này không thay đổi nhiều so với BLTTHS năm 1988.

2.2.3. Thủ tục áp dụng

Khi tiến hành các thủ tục bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người chưa thành niên phạm tội. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 bổ sung quy định về cơ quan ra lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam và phải thông báo cho gia đình và người đại diện của họ biết. Việc quy định này xuất phát từ yêu cầu bảo đảm các quyền cơ bản của người chưa thành niên theo quy định Hiến pháp 2013.

Ngoài ra, khi tiến hành thủ tục bắt, tạm giữ, tạm giam còn phải tuân thủ: việc bắt người chưa thành niên chỉ được thực hiện vào ban ngày, trừ những trường hợp không thể trì hoãn mới được thực hiện vào ban đêm. Trong biên bản bắt giữ phải có chữ ký của cha, mẹ hoặc người đỡ đầu, người nuôi dưỡng họ; tạm giữ, tạm giam riêng không giam, giữ chung phòng với người thành niên,...

Đối với những người này khi bị tạm giữ, tạm giam thì Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án phải luôn luôn chú ý là, nếu xét thấy việc tạm giữ, tạm giam không cần thiết nữa thì trả tự do cho họ hoặc áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

2.2.4. Thời hạn áp dụng

Ngoài Điều 87 và Điều 120 thì BLTTHS 2003 không có quy định nào dành riêng đối với người dưới 18 tuổi về thời hạn giam giữ. Do vậy, khi tiến hành giam, giữ chủ thể có thẩm quyền phải tuân theo quy định chung. Nhìn chung, nội dung không thay đổi nhiều so với BL TTHS năm 1988 sửa đổi, bổ sung năm 2000.

- Thời hạn tạm giữ tại Điều 87 BLTTHS năm 2003, không được quá 03 ngày kể từ khi Cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Và được gia hạn 02 lần trong trường hợp cần thiết và trường hợp đặc biệt. Như vậy tổng thời hạn tạm giữ (tính luôn cả gia hạn) là không quá 09 ngày.

Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được VKS cùng cấp hoặc VKS có thẩm quyền phê chuẩn. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận hồ sơ đề nghị gia hạn tạm giữ, VKS phải ra quyết định phê chuẩn hoặc quyết định không phê chuẩn.

Bộ luật TTHS cũng quy định rõ: *“Trong khi tạm giữ nếu không đủ căn cứ khởi tố bị can thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ; trường hợp đã gia hạn tạm giữ thì VKS phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ”*. Quy định chặt chẽ như vậy để bảo đảm quyền lợi cho người bị tạm giữ; đồng thời nâng cao trách nhiệm của người có thẩm quyền tạm giữ và VKS trong việc áp dụng biện pháp này.

- Thời hạn tạm giam, gia hạn tạm giam và thẩm quyền gia hạn tạm giam để điều tra về cơ bản vẫn giữ nguyên tinh thần của BLTTHS năm 1998 sửa đổi, bổ sung năm 2000. Nhưng đối với người dưới 18 tuổi thì cần xem xét, tính toán giảm đến mức thấp nhất việc gia hạn tạm giam như người từ đủ 18 tuổi trở lên, có như vậy mới không ảnh hưởng nhiều đến tâm sinh lý cũng như sự phát triển nhân cách của họ.

2.3. Quy định của pháp luật tố tụng hình sự về áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi theo Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Ngay sau khi Hiến pháp năm 2013 có hiệu lực thi hành, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật để đưa Hiến pháp vào cuộc sống đặt ra rất khẩn trương và nghiêm túc. Trong số đó, có BLTTHS năm 2015 được Quốc hội Khóa XII thông qua là đạo luật có vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống xã hội, liên quan trực tiếp đến những quyền cơ bản nhất của con người, của công dân, trong đó có người chưa thành niên. BLTTHS năm 2015 đã quy định về trình tự, thủ tục xử lý hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội. Nội dung cụ thể được quy định tại Chương XXVIII với 18 điều (từ Điều 413 đến 430). Để thống nhất trong quá trình áp dụng và do chưa có quy định rõ thế nào là người chưa thành niên nên tên chương được đổi thành “*Thủ tục tố tụng đối với người dưới 18 tuổi*”. Như vậy cụm từ “*người chưa thành niên*” nay được thay thế bằng “*người dưới 18 tuổi*”.

Trên cơ sở kế thừa những quy định phù hợp của BLTTHS năm 2003, khắc phục những vướng mắc, bất cập đặt ra qua thực tiễn. Bộ luật TTHS năm 2015 cơ bản đã tham khảo, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Việt Nam.

2.3.1. Căn cứ áp dụng

Ngoài những căn cứ chung theo quy định vẫn giữ nguyên như Điều 79 BLTTHS năm 2003. Riêng khi áp dụng đối với người dưới 18 tuổi luật còn quy định những căn cứ mang tính đặc thù.

- Biện pháp bắt người, căn cứ vào tổng kết thực tiễn và quán triệt tinh thần của Hiến pháp năm 2013, Chương VII Bộ luật TTHS năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung quy định rõ về các trường hợp bắt người gồm có: Bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, bắt người phạm tội quả tang, bắt người đang bị truy nã, bắt bị can, bị cáo để tạm giam và bắt người bị yêu cầu dẫn độ.

+ Bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp:

BLTTHS năm 2015 sửa đổi biện pháp bắt người trong trường hợp khẩn cấp thành biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp. Về cơ bản không có sự khác biệt nhiều so với biện pháp “bắt người trong trường hợp khẩn cấp” Điều 81 BLTTHS năm 2003. Điểm mới là đã xác định rõ được ngoài người bị hại, người chứng kiến tội phạm xảy ra thì sự xác nhận của “*người cùng thực hiện tội phạm*” (điểm b khoản 1 Điều 110), phát hiện dấu vết tội phạm tại “*nơi làm việc hoặc trên phương tiện của người bị nghi thực hiện tội phạm*” (điểm c khoản 1 Điều 110).

+ Bắt người phạm tội quả tang và bắt người đang bị truy nã:

Để bảo đảm sự rõ ràng, BLTTHS năm 2015 tách nội dung này thành hai điều riêng biệt với hai tội độc lập quy định về bắt người phạm tội quả tang (*Điều 111*) và bắt người đang bị truy nã (*Điều 112*). Sự thay đổi này thể hiện sự tiến bộ hơn về nhận thức và kỹ thuật lập pháp bởi lẽ hai trường hợp này áp dụng với hai đối tượng khác nhau, cơ sở pháp lý khác nhau.

- Bắt bị can, bị cáo để tạm giam: Điều 80 BLTTHS năm 2003 cũng như Điều 113 BLTTHS năm 2015 không quy định căn cứ bắt bị can, bị cáo để tạm giam nhưng tại Điều 119 và Điều 419 BLTTHS năm 2015 có xác định những trường hợp áp dụng biện pháp tạm giam nên đó cũng là căn cứ bắt bị can, bị cáo để tạm giam.

- Tạm giữ người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định tại Điều 112 và Điều 419 BLTTHS năm 2015. Cơ bản giống như Điều 86 BLTTHS năm 2003, chỉ thay đổi chủ thể áp dụng: người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp thành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Theo đó, người bị bắt sau khi bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người đang bị truy nã, người phạm tội tự thú, đầu thú thì đều có thể bị tạm giữ.

Từ quy định trên ta thấy có hai nhóm đối tượng bị áp dụng:

+ *Thứ nhất*, người liên quan đến tội phạm: người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang; người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; người phạm tội tự thú; người phạm tội đầu thú. Các đối tượng này chưa bị khởi tố nhưng đã có cơ sở, căn cứ để xác định họ có liên quan đến việc thực hiện tội phạm. Khi đó Cơ quan điều

tra chưa thu thập được đầy đủ các chứng cứ để chứng minh hậu quả xảy ra. Việc tạm giữ họ để nhằm xác định trách nhiệm hình sự đối với mỗi đối tượng.

+ *Thứ hai*, người có hành vi mang dấu hiệu của tội phạm hoặc bị coi là có tội bị bắt theo lệnh truy nã: bị can, bị cáo, người đang thi hành án. Việc tạm giữ các đối tượng này để hoàn thành các thủ tục chuyển giao đối tượng trong tổ tụng giữa các cơ quan và có thể để xác định trách nhiệm hình sự về một tội phạm khác...

Như vậy, khoản 1 Điều 86 BLTTHS năm 2003 và Điều 112 BLTTHS năm 2015 quy định tạm giữ cả hai nhóm đối tượng khác nhau với hai mục đích hoàn toàn khác nhau là chưa hợp lý.

Điều luật trên cũng không đề cập đến căn cứ áp dụng biện pháp tạm giữ, nhưng thực tế cho thấy trong thời gian tạm giữ, Cơ quan điều tra tiến hành các hoạt động làm rõ hành vi đó là tội phạm hay không để xác định căn cứ, cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự và xác minh lai lịch, cũng như nhân thân của đối tượng. Bởi vậy, đây là các căn cứ áp dụng biện pháp tạm giữ cần được luật hóa. Tạm giữ được coi là biện pháp độc lập trong hệ thống các biện pháp ngăn chặn, nhưng Bộ luật TTHS qua các thời kỳ không quy định căn cứ áp dụng cụ thể là một thiếu sót về kỹ thuật lập pháp.

- Tạm giam, khoản 2 Điều 119 BLTTHS năm 2015 quy định về tạm giam so với BLTTHS năm 2003 đã bổ sung các điều kiện cụ thể khi áp dụng, nhằm bảo đảm việc áp dụng biện pháp này được chặt chẽ. Cụ thể: ngoài căn cứ bỏ trốn và tiếp tục phạm tội như Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã được bổ sung thêm “*có dấu hiệu bỏ trốn*” (điểm c khoản 2) hoặc “*có dấu hiệu tiếp tục phạm tội*” (điểm d khoản 2), bỏ những căn cứ rất chung chung như “*cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử*”, “*có ý gây cản trở nghiêm trọng đến việc điều tra, truy tố, xét xử*” và thay vào đó là những căn cứ cụ thể như: “*đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm*” (điểm a khoản 2), “*không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can*” (điểm b khoản 2); “*có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan*”

đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này” (điểm đ khoản 2).

Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 419 thì việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội phụ thuộc vào độ tuổi và loại tội phạm mà người đó thực hiện. Cụ thể:

+ Đối với bất bị can, bị cáo để tạm giam là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi nếu thỏa mãn hai điều kiện: *một là*, tội phạm phải được quy định tại khoản 2 Điều 12 BLHS năm 2015 và *hai là*, có một trong các căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 BLTTHS (cụ thể: đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm; Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can; Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn; Tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội; Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này).

+ Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi có thể bị bắt để tạm giam nếu đảm bảo điều kiện: *thứ nhất*, bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng do cố ý, tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng, *thứ hai*, có một trong các căn cứ xác định người đó thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 2 Điều 119 BLTTHS (Cụ thể, đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm; Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can; Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn; Tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội; Có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này).

+ Còn đối với trường hợp bị can, bị cáo đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử về tội nghiêm trọng do vô ý, tội ít nghiêm trọng mà BLHS quy định hình phạt tù đến 02 năm thì cũng có thể bị tạm giam nếu họ tiếp tục phạm tội, bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã.

Như vậy, quy định việc bắt, tạm giữ, tạm giam cần phải thỏa mãn các điều kiện chung theo quy định tại các điều luật. Ngoài những điều kiện chung khi áp dụng, cơ quan hoặc người có thẩm quyền còn phải căn cứ vào nội dung quy định tại Điều 419 dành cho người dưới 18 tuổi. Cụ thể chỉ áp dụng trong trường hợp thật cần thiết; áp dụng khi việc áp dụng biện pháp giám sát và biện pháp ngăn chặn trước đó không có hiệu quả và phải xem xét sự phân hóa độ tuổi cũng như loại tội phạm mà họ thực hiện.

Tuy nhiên, qua việc xác định các căn cứ để áp dụng cho từng biện pháp cụ thể đối với người dưới 18 tuổi tại Khoản 1 Điều 419 luật chưa quy định rõ như thế nào là “*trường hợp cần thiết*” hay “*áp dụng biện pháp giám sát... không hiệu quả*” nên đây sẽ là khó khăn, không thống nhất và dễ dẫn tới tình trạng lạm dụng trong quá trình áp dụng. Vì vậy cần có văn bản hướng dẫn cụ thể về những vấn đề này.

Qua đó ta thấy, về cơ bản BLTTHS năm 2015 đã khắc phục những hạn chế, thiếu sót của BLTTHS năm 2003: quy định cụ thể hơn các điều kiện, căn cứ về biện pháp bắt người đối với người dưới 18 tuổi. Việc quy định này phần nào đã thống nhất được cách hiểu cũng như việc áp dụng từ đó mang lại hiệu quả cao, hạn chế những ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp cũng như tác động xấu đến tâm sinh lý của người dưới 18 tuổi. Nhưng luật chưa phân định rạch ròi giữa biện pháp giữ người trong trường hợp khẩn cấp và trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp việc này sẽ là kẽ hở cho việc lạm dụng các trường hợp bắt và gây nhiều khó khăn cho quá trình áp dụng trong thực tiễn cũng như xâm hại đến quyền và lợi ích của công dân.

2.3.2. Thẩm quyền áp dụng

So với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có những sửa đổi, bổ sung: quy định thẩm quyền áp dụng theo hướng chặt chẽ hơn,

phù hợp hơn với việc xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của từng chức danh tổ tụng, phân định rõ quyền hạn cho từng chủ thể. Thẩm quyền áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi theo quy định tại các Điều 110, 111, 112, 117, 119, 415 và 419 BLTTHS năm 2015. Cụ thể:

- Đối với trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp: ngoài Thủ trưởng, phó Thủ trưởng CQĐT các cấp; người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi đã rời sân bay, bến cảng thì Bộ luật đã bổ sung nhóm những chức danh cụ thể là người đứng đầu một số đơn vị trực thuộc Bộ đội biên phòng, cảnh sát biển và Kiểm ngư gắn với tiêu chí *“thực hiện nhiệm vụ ở địa bàn biên giới, hải đảo, xa cơ quan điều tra chuyên trách”*, ngoài ra để phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đây là danh mục luật định và chỉ có những người thuộc chức danh được liệt kê trong điểm b khoản 2 Điều 110 mới có quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn này. Những chủ thể này cũng là những người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ đối với biện pháp tạm giữ.

- Đối với trường hợp bắt bị can, bị cáo để tạm giam và biện pháp tạm giam: những người có thẩm quyền ra lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam thì có thẩm quyền ra lệnh, quyết định tạm giam. Cơ bản giữ nguyên, điểm mới là bỏ đi thẩm quyền của Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa, Phó chánh tòa Tòa phúc thẩm TANDTC.

- Đối với trường hợp bắt người phạm tội quả tang và đang bị truy nã: BLTTHS năm 2015 đã bổ sung thẩm quyền của *“Công an xã, phường, thị trấn, Đoàn Công an phát hiện bắt giữ, tiếp nhận người phạm tội quả tang, người đang bị truy nã thì thu giữ, tạm giữ vũ khí, hung khí và bảo quản tài liệu, đồ vật có liên quan, lập biên bản bắt giữ người, lấy lời khai ban đầu, bảo vệ hiện trường theo quy định của pháp luật; giải ngay người bị bắt hoặc báo ngay cho Cơ quan điều tra có thẩm quyền”*.

Trên đây là những điểm mới về thẩm quyền trong khi áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam. Ngoài những quy định trên, khi áp dụng với người dưới 18 tuổi, các chủ thể có thẩm quyền còn phải thỏa mãn những điều kiện, như là người

đã “*được đào tạo hoặc có kinh nghiệm*” điều tra, truy tố, xét xử vụ án liên quan đến người dưới 18 tuổi, có hiểu biết cần thiết về tâm lý học, khoa học giáo dục đối với người dưới 18 tuổi, Điều 415 BLTTHS năm 2015. Đây cũng là một điểm mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tách riêng nội dung này ra thành một điều luật độc lập và đòi hỏi cao hơn về chuyên môn, kinh nghiệm tiến hành tố tụng của chủ thể có thẩm quyền khi thực hiện.

2.3.3. Thủ tục áp dụng

Thủ tục áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam được quy định tại các Điều 110, 111, 112, 113, 119 và Điều 419 BLTTHS năm 2015.

So với các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 thì Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã cơ bản kế thừa, sửa đổi, bổ sung các nội dung phù hợp hơn với tình hình hiện tại đồng thời tạo được tính thống nhất trong quá trình hiểu và áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi. Cụ thể, tại khoản 5 Điều 419 quy định: “*Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi giữ người trong trường hợp khẩn cấp, bắt, tạm giữ, tạm giam, người ra lệnh giữ, lệnh hoặc người ra quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam người dưới 18 tuổi phải thông báo cho gia đình người đại diện của họ biết*”. Theo quy định này thì thời gian phải thông báo cho gia đình, người đại diện của người dưới 18 tuổi khi bị bắt, tạm giữ tạm giam là “*trong thời hạn 24 giờ*” chứ không phải “*sau khi bắt, tạm giữ, tạm giam*” như trước đây tại khoản 3 Điều 303 BLTTHS năm 2003. Điều này đảm bảo quyền lợi cho người dưới 18 tuổi khi bị áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, hạn chế trường hợp giam giữ người một cách tùy tiện, trái pháp luật của cơ quan hoặc người tiến hành tố tụng.

Ngoài ra, khi tiến hành các thủ tục phải tuân thủ những quy định khác theo tinh thần Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

2.3.4. Thời hạn áp dụng

- Thời hạn tạm giữ, khoản 1 Điều 118 BLTTHS năm 2015 quy định thời hạn tạm giữ được tính từ khi Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra nhận người bị giữ, bị bắt hoặc áp giải người bị giữ, bị bắt

về trụ sở của mình hoặc kể từ khi Cơ quan điều tra ra quyết định tạm giữ người phạm tội tự thú, đầu thú. Đây là điểm mới so với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 về cách tính thời điểm bắt đầu bắt cũng như nhận người bị bắt.

Gia hạn tạm giữ: Không có gì thay đổi so với BLTTHS năm 2003.

Khoản 4 Điều luật quy định: “*Thời hạn tạm giữ được trừ vào thời hạn tạm giam. Một ngày tạm giữ được tính bằng một ngày tạm giam*”. Theo đó, dù trong trường hợp tạm giữ và tạm giam liên tục hoặc không liên tục với nhau thì thời hạn tạm giữ đều phải được trừ vào thời hạn tạm giam để điều tra, nhưng không được tính trừ thời hạn tạm giam lên thời hạn tạm giữ vì tạm giữ được áp dụng đối với người chưa phải là bị can. Quy định: “*Thời hạn tạm giữ được trừ vào thời hạn tạm giam*” chỉ áp dụng trong giai đoạn điều tra, không áp dụng trong giai đoạn truy tố và giai đoạn xét xử, bởi vì tạm giữ, tạm giam trong giai đoạn điều tra có quan hệ gắn bó với nhau. Do đó, trong trường hợp một người đã bị tạm giữ nhưng không bị tạm giam trong giai đoạn điều tra, thì khi áp dụng biện pháp tạm giam đối với người đó để phục vụ công tác truy tố hoặc xét xử, thì thời hạn tạm giữ trước đó không được trừ vào thời hạn tạm giam.

Tóm lại, việc quy định theo hướng này đòi hỏi việc tạm giữ, tạm giam người dưới 18 tuổi phải chặt chẽ, bảo đảm quyền lợi cho người bị tạm giữ; đồng thời phân định rành mạch trách nhiệm của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, nhất là trong trường hợp dễ xảy ra oan, sai.

- Thời hạn tạm giam, với lý do để bảo vệ tốt hơn quyền con người, quyền công dân, đặc biệt đối với người dưới 18 tuổi và để phù hợp với yêu cầu xây dựng nền tư pháp văn minh tiến bộ. Thời hạn tạm giam để điều tra đối với người dưới 18 tuổi được quy định tại Điều 173 và Điều 419 BLTTHS năm 2015 với nhiều thay đổi, bổ sung. Cụ thể:

Tại Điều 173 quy định về thời hạn tạm giam để điều tra có nhiều thay đổi so với Điều 120 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, đó là đã rút ngắn thời hạn gia hạn tạm giam 01 tháng đối với tội nghiêm trọng; 02 tháng đối với tội rất nghiêm trọng. Đồng thời, để áp ứng yêu cầu đấu tranh với các tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, Bộ

luật Tố tụng hình sự năm 2015 cho phép gia hạn tạm giam đến khi kết thúc điều tra nhưng để bảo đảm chặt chẽ, tránh lạm dụng, thẩm quyền gia hạn tạm giam trong trường hợp này chỉ thuộc về Viện trưởng VKSNDTC.

- Gia hạn tạm giam:

+ Đối với tội ít nghiêm trọng thời hạn tạm giam tối đa trong trường hợp này là 03 tháng, giữ nguyên so với BLTTHS năm 2003.

+ Đối với tội nghiêm trọng thời hạn tạm giam (kể cả gia hạn) tối đa là 05 tháng. So với BLTTHS năm 2003, thời hạn tạm giam để điều tra giảm số lần gia hạn (từ hai lần xuống một lần) và giảm về thời hạn tối đa từ 06 tháng xuống còn 05 tháng.

+ Đối với tội rất nghiêm trọng (kể cả gia hạn) tối đa là 07 tháng. So với BLTTHS năm 2003, thời hạn tạm giam giảm số lần gia hạn (từ hai lần xuống một lần) và giảm về thời hạn tối đa từ 09 tháng xuống còn 07 tháng.

+ Đối với tội đặc biệt nghiêm trọng (kể cả gia hạn) tối đa là 16 tháng; trường hợp đặc biệt thời hạn tạm giam tối đa là 20 tháng (bằng thời hạn điều tra). So với BLTTHS năm 2003, thời hạn tạm giam để điều tra tối đa tăng 04 tháng.

Trong thời hạn tạm giam, nếu xét thấy không cần thiết phải tiếp tục tạm giam thì cơ quan điều tra phải kịp thời đề nghị Viện kiểm sát hủy bỏ việc tạm giam để trả tự do cho người bị tạm giam hoặc xét thấy cần thiết thì áp dụng biện pháp ngăn chặn khác. Khi đã hết thời hạn tạm giam thì người tạm giam phải được trả tự do.

Ngoài ra, tại Điều 419 BLTTHS năm 2015 có quy định: thời hạn tạm giam đối với người bị buộc tội là người dưới 18 tuổi chỉ bằng hai phần ba (2/3) thời hạn tạm giam đối với người đủ tuổi 18 trở lên. Trong trường hợp nếu xét thấy không còn căn cứ để tạm giữ, tạm giam thì cơ quan, người có thẩm quyền phải kịp thời hủy bỏ, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác. Như vậy khi áp dụng thời hạn tạm giam để điều tra đối với người dưới 18 tuổi ngoài việc phải dựa vào quy định tại Điều 173 thì người tiến hành tố tụng còn phải dựa vào các quy định tại Điều 419, có như vậy thì việc tính toán thời hạn tạm giam, thời hạn gia hạn tạm giam mới chính

xác, có căn cứ và phù hợp với nguyên tắc xử lý các đối tượng này, đồng thời tránh những trường hợp lạm dụng dẫn đến vi phạm quyền và lợi ích của họ.

Qua việc phân tích trên cho thấy, thời hạn gia hạn tạm giam đã giảm đi rất nhiều so với quy định cũ trước đây BLTTHS năm 2003. Việc thay đổi, bổ sung này phù hợp với tình hình hiện tại về vấn đề nhân quyền vì đây là biện pháp nghiêm khắc nhất trong các biện pháp còn lại, hạn chế một số quyền cơ bản của công dân nên việc quy định phải thận trọng. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mới hoàn thiện thì một số nội dung vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Nội dung cụ thể sẽ được phân tích ở nội dung những điểm tồn tại của biện pháp này của chương 3.

Kết luận chương 2

Kể từ khi ra đời đến nay, Bộ luật Tố tụng hình sự đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ lợi ích nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân, thúc đẩy cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm, phục vụ tích cực cho công cuộc đổi mới đất nước. Sự ra đời của Bộ luật Tố tụng hình sự đã đánh dấu một bước nhảy vọt về việc pháp điển hoá pháp luật Tố tụng hình sự Việt Nam, trong quá trình thi hành, Bộ luật Tố tụng hình sự đã nhiều lần sửa đổi, bổ sung vào năm 1988, 2003, 2015 trong các chế định của luật Tố tụng hình sự, thì chế định về các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam và chế định về thủ tục xử lý đối với người dưới 18 tuổi luôn được chú trọng đặc biệt trong các lần sửa đổi, bổ sung nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm và yêu cầu về cải cách tư pháp.

Trước những yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đã bộc lộ một số hạn chế, chưa đáp ứng được đầy đủ những yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng và chống tội phạm trong tình hình mới, thời kỳ hội nhập quốc tế; Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã ra đời, cơ bản sửa đổi, bổ sung khá hoàn thiện các quy định của Tố tụng hình sự.

Áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam là những chế định quan trọng trong Bộ luật Tố tụng hình sự Việt Nam. Nó ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân vì vậy cần phải thận trọng khi áp dụng. Đối với người

dưới 18 tuổi khi áp dụng thì lại càng cần phải xem xét thận trọng hơn, không thể tùy tiện hay lạm dụng quyền lực xâm hại nghiêm trọng đến quyền con người, quyền công dân của họ. Bởi vậy, khi áp dụng một biện pháp ngăn chặn cụ thể nào đó cơ quan hoặc người có thẩm quyền phải dựa vào những căn cứ, những quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục dành cho nhóm đối tượng này. Việc thống nhất về quy định của pháp luật là việc làm cần thiết có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động áp dụng pháp luật, tránh những trường hợp bất sai, oan. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã sửa lại tên gọi cho nhóm đối tượng là kịp thời, là phù hợp mang lại sự thống nhất trong cách gọi và các căn cứ để xử lý.

Qua việc nghiên cứu các quy định của pháp luật, trong nội dung của Chương 2 luận văn cũng đã chỉ ra một số vướng mắc, bất cập của quy định pháp luật hiện hành và những vấn đề đã được Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 khắc phục và những nội dung quy định còn thiếu sót chưa phù hợp. Từ đó, Chương 3 luận văn sẽ nêu ra hoạt động áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi từ thực tiễn từ Thành phố Hồ Chí Minh và những giải pháp kiến nghị nhằm đảm bảo tốt hơn việc áp dụng các biện pháp này đối với đối tượng dưới 18 tuổi phạm tội.

CHƯƠNG 3

THỰC TIỄN ÁP DỤNG ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM VIỆC ÁP DỤNG ĐÚNG BIỆN PHÁP BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI

3.1. Thực tiễn áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là đầu tàu kinh tế và là một trung tâm văn hoá, giáo dục quan trọng của cả nước. Có phía Bắc giáp với tỉnh Bình Dương, Tây Bắc giáp với tỉnh Tây Ninh, Đông và Đông Bắc giáp với tỉnh Đồng Nai, Đông Nam giáp với tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây và Tây Nam giáp với tỉnh Long An và Tiền Giang. Với vị trí tâm điểm của đường bộ, đường thuỷ và đường hàng không, nối liền các tỉnh trong vùng và còn là cửa ngõ quốc tế. Với tổng diện tích 2.095 km², thành phố Hồ Chí Minh trở thành đô thị lớn nhất Việt Nam với 19 quận nội thành và 5 huyện ngoại thành gồm 322 phường, xã và thị trấn.

Theo kết quả điều tra chính thức về dân số vào thời điểm ngày 01/04/2014 thì dân số thành phố có khoảng 7,955 triệu người, mật độ trung bình khoảng 3.419 người/km². Tuy nhiên nếu tính những người cư trú không đăng ký thì dân số thực tế của thành phố vượt trên mốc 10 triệu người. Toàn thành phố có đủ 54 thành phần dân tộc cùng người nước ngoài sinh sống.

Giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, thành phố Hồ Chí Minh chiếm 21,3% tổng sản phẩm (GDP) và 29,38% tổng thu ngân sách của cả nước. Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi, thành phố Hồ Chí Minh trở thành một cầu nối giao thông quan trọng của Việt Nam và Đông Nam Á, bao gồm cả đường bộ, đường sắt, đường thuỷ và đường hàng không.

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì mặt trái của tốc độ đô thị hoá nhanh, người nhập cư quá đông cũng là các yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tội phạm nói chung và tội phạm người dưới 18 tuổi nói riêng đang diễn biến hết sức phức tạp và ngày càng có dấu hiệu gia tăng về số lượng, phức tạp về phương thức, thủ đoạn thực hiện.

3.1.1. Thực tiễn áp dụng biện pháp bắt

Trong những năm qua, hoạt động áp dụng biện pháp ngăn chặn của các cơ quan có thẩm quyền nói chung và của lực lượng Cảnh sát điều tra trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng đã có những bước tiến rõ rệt. Đặc biệt đối với các đối tượng là người dưới 18 tuổi đã có nhiều tiến bộ hơn so với trước đây. Những vướng mắc trong việc thực hiện Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 đã từng bước được hoàn thiện bằng việc ban hành, sửa đổi, bổ sung mới Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 kết hợp với sự chỉ đạo của Bộ công an và Giám đốc công an thành phố cả về phương diện lý luận lẫn thực tiễn áp dụng. Nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố đã thực hiện tốt vấn đề này, bởi việc bắt người dưới 18 tuổi phạm tội đúng pháp luật hay không có liên quan và ảnh hưởng trực tiếp đến các quyền cơ bản, quyền bình đẳng trước pháp luật, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, quyền được pháp luật bảo hộ tính mạng, tài sản, danh dự và nhân phẩm của công dân, các quyền trẻ em và đây là vấn đề nhạy cảm trong đời sống xã hội khi mà vấn đề quyền con người nói chung, các quyền trẻ em nói riêng đang được thế giới quan tâm.

Theo số liệu thống kê của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PC45) từ năm 2012, 2013, 2014, 2015 và 6 tháng đầu của năm 2016 cho thấy số người dưới 18 tuổi phạm tội bị bắt trong các trường hợp cụ thể sau:

Bảng 2.1. Bảng thống kê số người dưới 18 tuổi bị bắt trên địa bàn TP HCM từ năm 2012 đến tháng 6/2016

Năm	Tổng số người bị bắt	Số lượng người dưới 18 tuổi bị bắt	Trường hợp bắt			
			Tạm giam	Khẩn cấp	Quả tang	Truy nã
2012	12075	584	102	220	248	14
2013	12001	653	100	290	251	12
2014	12453	515	99	180	219	17
2015	11554	580	130	200	239	11
6/2016	5844	191	46	66	73	8

(Nguồn: PC45 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ vào số liệu thống kê, chúng ta thấy từ năm 2012 đến tháng 6/2016 toàn thành phố có 53927 đối tượng bị bắt, trong đó người dưới 18 tuổi bị bắt là 2523 (chiếm 4,8% trong tổng số người bị bắt) cụ thể là có 248 người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang chiếm 42,4%; người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp là 220 người chiếm 37,6%, người bị bắt trong trường hợp truy nã là 14 chiếm 2,3% và 527 người bị bắt trong trường hợp bắt bị can để tạm giam chiếm 17,7% (năm 2012).

Trong các trường hợp bắt người dưới 18 tuổi phạm tội như đã thống kê ở trên thì việc bắt người phạm tội quả tang chiếm tỷ lệ cao nhất, cụ thể năm 2015 có 239 đối tượng chiếm 41,2% tiếp đến là bắt người trong trường hợp khẩn cấp với 200 đối tượng chiếm 34,5%. Việc bắt người theo lệnh truy nã chiếm tỷ lệ thấp nhất trong các trường hợp. Việc bắt bị can để tạm giam tỷ lệ cũng không cao so với trường hợp bắt quả tang và khẩn cấp dao động từ 17% đến 22%. Thực tế bắt người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố đã được cơ quan Cảnh sát điều tra xem xét một cách thận trọng, tỷ mỉ, khẳng định tính chính xác, đúng đắn ở mức độ cao rất ít trường hợp oan sai xảy ra.

Nhìn chung qua nghiên cứu việc áp dụng biện pháp bắt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội của Cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố trong thời gian qua các trường hợp bắt đều có căn cứ và đúng pháp luật. Tình trạng bắt oan người vô tội, bắt bừa, bắt ẩu, bắt người vì động cơ cá nhân đã hạn chế. Việc tuân thủ những quy định của pháp luật về các trường hợp bắt, thẩm quyền, thủ tục được chủ thể tiến hành một cách nghiêm chỉnh. Cơ quan điều tra cấp trên đã có sự hướng dẫn, chỉ đạo lực lượng điều tra cấp dưới thực hiện tốt chức năng của mình. Sự giám sát, phê chuẩn của Viện kiểm sát phân nào cũng đã hạn chế thấp nhất những trường hợp bắt không có căn cứ, lạm dụng quyền lực. Do vậy, kết quả đạt được đã góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm do người dưới 18 tuổi nói riêng. Tuy nhiên, công tác bắt nói riêng và áp dụng biện pháp ngăn chặn nói chung vẫn còn nhiều vướng mắc, hạn chế cần phải chấn chỉnh, sửa chữa, đây được coi là nhiệm vụ quan trọng, có làm tốt được mới củng cố được lòng tin của quần chúng nhân dân đối với Nhà nước và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

3.1.2. Thực tiễn áp dụng biện pháp tạm giữ

Tạm giữ là một biện pháp ngăn chặn trong tổ tụng hình sự do những người có thẩm quyền quyết định, hạn chế tự do trong thời hạn nhất định có thể áp dụng đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã. Nhằm đảm bảo cho sCơ quan điều tra có điều kiện lấy lời khai, xác minh lý lịch, nhân thân cũng như những tình tiết khác có liên quan đến vụ án, để có cơ sở ra quyết định khởi tố bị can, áp dụng biện pháp ngăn hoặc trả tự do cho người bị bắt.

So với các có biện pháp ngăn chặn khác, biện pháp tạm giữ có tính chất tương đối nghiêm khắc. Những đối tượng bị áp dụng biện pháp này buộc phải chấp hành chế độ tạm giữ tại nhà tạm giữ với những hạn chế nhất định về quyền tự do đi lại, tự do thân thể, phải chịu sự giám sát của các cán bộ quản lý nhà tạm giữ; mọi sự liên hệ với gia đình đều phải tuân theo quy định tại Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 của Quốc Hội.

Ở Chương 1, đã nghiên cứu những vấn đề mang tính lý luận về biện pháp tạm giữ, ở phần này chủ yếu tập trung vào thực tiễn áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của Cơ quan Cảnh sát điều tra.

Theo báo cáo tổng kết công tác bắt giam, giữ của PC45 Công an TPHCM cho thấy số người dưới 18 tuổi bị tạm giữ từ năm 2012 đến tháng 6/2016.

Bảng 2.2. *Bảng thống kê số người dưới 18 tuổi bị áp dụng biện pháp tạm giữ trên địa bàn TP HCM từ năm 2012 đến tháng 6/2016*

Năm	Tổng số người bị tạm giữ	Số lượng người dưới 18 tuổi bị tạm giữ	Các trường hợp tạm giữ		
			Khẩn cấp	Quả tang	Truy nã
2012	10430	531	272	298	14
2013	10076	593	308	333	12
2014	10193	469	236	263	17
2015	9382	528	274	296	11
6/2016	4441	174	86	97	8

(Nguồn: PC45 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh)

Qua số liệu thống kê trên cho thấy thấy từ năm 2012 đến tháng 6/2016 tổng số đối tượng bị tạm giữ toàn thành phố là 44522 người, trong đó, số người dưới 18 tuổi bị tạm giữ chiếm số lượng lớn 2295 trường hợp (chiếm 5,2% tổng số người bị tạm giữ). Nhìn chung trong số các trường hợp bắt để tạm giữ thì trường hợp bắt khẩn cấp chiếm tỷ lệ tương đối tiếp sau là trường hợp bắt quả tang còn trường hợp bắt các đối tượng bị truy nã để tạm giữ chiếm tỷ lệ thấp nhất.

Thực tế áp dụng biện pháp tạm giữ của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố cho thấy: trong những năm gần đây đã có nhiều tiến bộ, tạm giữ người đã tuân thủ các quy định của pháp luật, tạm giữ có căn cứ, Viện kiểm sát các cấp đã cân nhắc thận trọng bảo đảm có căn cứ và đúng pháp luật trong việc phê chuẩn và kiểm sát hoạt động tạm giữ, hạn chế được các tình trạng oan, sai.

Việc tạm giữ hình sự đối với trường hợp phạm tội quả tang do người dưới 18 tuổi thực hiện chủ yếu là ở nhóm tội phạm xâm phạm nhân thân, nhóm tội xâm phạm sở hữu, nhóm tội xâm phạm an ninh trật tự chiếm tỷ lệ cao trong địa bàn thành phố. Tạm giữ hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đã tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng kiểm tra, xác minh kịp thời, trên cơ sở đó có những quyết định đúng đắn trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn.

Qua khảo sát tình hình tại các nhà tạm giữ, trại tạm giam và số liệu thống kê cho thấy cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố đã thực hiện tốt việc áp dụng biện pháp tạm giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Tuy nhiên trong bối cảnh chung, việc áp dụng biện pháp tạm giữ vẫn còn những hạn chế nhất định.

3.1.3. Thực tiễn áp dụng biện pháp tạm giam

Tạm giam là biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc nhất trong các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự. Bởi lẽ, người bị tạm giam phải cách ly xã hội trong một thời gian nhất định, bị hạn chế một số quyền công dân. Đây là một quy định của pháp luật có ảnh hưởng đến nhiều vấn đề khi thực hiện nó. Tuy nhiên việc giải quyết yêu cầu cấp bách này cũng đang từng bước được khắc phục. Việc áp dụng biện pháp này sẽ tác động đến chế độ chính sách đối với người bị áp dụng, tình hình quá tải ở các trại giam, đến cách nhìn nhận của xã hội về vấn đề tạm giam và những

nhân tố về quyền con người nói chung, quyền của trẻ em nói riêng trong đó có người dưới 18 tuổi theo quan điểm chính trị xã hội - vấn đề nhạy cảm hiện nay.

Hoạt động áp dụng biện pháp tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong quá trình giải quyết vụ án hình sự của cơ quan Cảnh sát điều tra là một trong những vấn đề được quan tâm, theo dõi và chỉ đạo, giám sát của nhiều cơ quan, song vấn đề được nhiều người quan tâm nhất là trong giai đoạn điều tra vụ án do lực lượng Cảnh sát điều tra tiến hành. Trong những năm qua việc áp dụng các biện pháp này đã đã bám sát các quy định của pháp luật cả về những căn cứ, đối tượng lẫn thẩm quyền và thủ tục áp dụng. Việc tạm giam người dưới 18 tuổi đã được thực hiện theo quy chế tạm giữ, tạm giam của Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 của Quốc Hội.

Theo báo cáo tổng kết công tác bắt, tạm giữ, tạm giam của PC45 Công an Thành phố Hồ Chí Minh các năm cho thấy:

Bảng 2.3. Bảng thống kê số người dưới 18 tuổi bị áp dụng biện pháp tạm giam trên địa bàn TP HCM từ năm 2012 đến tháng 6/2016

Năm	Tổng số đối tượng bị tạm giam	Số người dưới 18 tuổi bị giam	Bắt tạm giam	Tạm giữ chuyển lên	Chuyển áp dụng biện pháp khác
2012	9387	375	113	263	75
2013	9068	435	131	305	87
2014	9137	403	121	282	81
2015	8443	352	106	246	70
6/2016	3996	165	50	116	33

(Nguồn: PC45 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh)

Với số liệu thống kê trên, chúng ta thấy số người dưới 18 tuổi phạm tội bị áp dụng biện pháp tạm giam là 1730 đối tượng chiếm 4,3% trong tổng số 40031 đối tượng trên địa bàn thành phố. Tỷ lệ này thấp hơn so với biện pháp ngăn chặn

tạm giữ. Thực tế trong quá trình điều tra vụ án hình sự nếu không tạm giam thì đối tượng này sẽ bỏ trốn, cản trở và gây khó khăn cho hoạt động điều tra hoặc có thể tiếp tục phạm tội mới nên cơ quan điều tra Công an thành phố không thể không tạm giam.

Việc tạm giam bị can dưới hai dạng thủ tục pháp lý cơ bản là bắt bị can để tạm giam và có lệnh tạm giam. Trên cơ sở số đối tượng bị bắt để tạm giam thì việc áp dụng biện pháp này là ổn định, ít bị thay đổi biện pháp ngăn chặn. Còn số đối tượng được chuyển từ tạm giữ lên để tạm giam, thường có lý do để chuyển áp dụng biện pháp ngăn chặn khác hoặc trả tự do nhiều hơn. Qua đó cũng cho thấy cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố đã thực sự quan tâm đến việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, có chế độ theo dõi, kiểm tra đôn đốc kịp thời, kết hợp việc kiểm tra của Viện kiểm sát để duy trì chế độ giam giữ theo quy định. Tuy nhiên thực tiễn vẫn còn những vi phạm: có quận, huyện áp dụng chưa chính xác “*không cần thiết cũng tạm giam*”; giam cả người dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng có mức hình phạt dưới 2 năm...

Tình trạng vi phạm thời hạn tạm giam như giam quá thời hạn về cơ bản đã được chấn chỉnh, đây là vấn đề được quan tâm phối hợp giữa Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra với lực lượng quản lý trực tiếp là cán bộ trại tạm giam. Tuy nhiên, do bắt giữ nhiều nên số lượng đối tượng bị tạm giam vẫn còn đông do đó dẫn đến tình trạng quá tải; hiện tượng “*đàn anh, đàn chị*” trong phòng giam vẫn còn tồn tại và rất khó kiểm soát. Giam giữ đông nên việc phân loại đối tượng tạm giam chưa được thực hiện đúng theo quy chế tạm giữ, tạm giam của Bộ công an.

3.1.4. Nhận xét, đánh giá về việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân.

3.1.4.1. Những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Như chúng ta biết, ở mỗi giai đoạn tố tụng thì các biện pháp ngăn chặn do cơ quan tiến hành tố tụng áp dụng với mục đích đảm bảo cho cơ quan đó hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình do pháp luật quy định. Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam với mục đích ngăn ngừa tội phạm và bảo đảm các điều kiện để hoàn thành nhiệm vụ điều tra như: đảm bảo sự có mặt của bị can thường xuyên làm việc, hạn chế trường hợp bị can tiêu hủy chứng cứ hoặc thông đồng với nhau để khai báo; ngăn ngừa việc bị can bỏ trốn gây khó khăn cho việc xử lý vụ án... Mỗi giai đoạn của tố tụng hình sự thì việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn nêu trên đều gặp phải những khó khăn vướng mắc, những hạn chế nhất định cần phải được khắc phục.

*** Một số tồn tại trong thực tiễn áp dụng biện pháp bắt người**

- *Thứ nhất, đối với trường hợp bắt khẩn cấp*

+ Việc bắt người ở một số quận, huyện còn có sự lạm dụng biện pháp bắt khẩn cấp. Có ý kiến cho rằng, vì tính cấp bách của sự việc nên đòi hỏi phải phản ứng nhanh, khẩn trương, kịp thời nên phải tiến hành ngay. Bên cạnh đó việc bắt khẩn cấp không phải mất thời gian chờ đợi sự phê chuẩn của Viện kiểm sát, cùng một lúc lại phải giải quyết nhiều vụ án nên bắt khẩn cấp sẽ thuận lợi hơn, dễ dàng hơn... Dù thế nào đi nữa thì đó là sự làm dụng, dù có bắt đúng người nhưng lại làm sai quy định của pháp luật.

Hơn nữa đây là một trong những biểu hiện bắt người vì động cơ cá nhân, tình trạng điều tra viên, cán bộ điều tra được khoán công tác phí do đó việc đi lại nhiều sẽ tốn kém nên thường nảy sinh tư tưởng này.

+ Ngoài ra theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 81 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003: *“Khi có căn cứ cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng, hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”* thì việc bắt khẩn cấp là cần thiết vì khi có sự việc xảy ra như vậy không ai dám chắc là sẽ không có hậu quả xảy ra. Nhưng điểm b, c lại quy định: *“xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ”*. Vậy *“xét thấy”* ở đây được hiểu như thế nào? Vì vậy những người thi hành việc bắt rất dễ lỏng ý chí chủ quan của mình vào trong trường

hợp này. Đây là một trong những vướng mắc, thể hiện hai mặt của một vấn đề: pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng nói riêng của cán bộ điều tra, điều tra viên nói riêng.

+ Về thẩm quyền bắt người trong trường hợp khẩn cấp: đối với trường hợp trên tàu bay, tàu biển khi đã rời sân bay, bến cảng nếu đúng khoản 2 Điều 80 BLTTHS 2003 thì không thể thực hiện được. Vì trên tàu bay tàu biển khi đó sẽ không thể nào có được đại diện chính quyền xã, phường, thị trấn nơi tiến hành việc bắt người chứng kiến hoặc phải đảm bảo được thủ tục như có lệnh, đóng dấu...việc đó rất khó thực hiện. Vì vậy cần xem xét quy định bổ sung để mang tính khả thi hơn.

Ngoài ra, BLTTHS năm 2015 đã thay đổi trường hợp bắt người trong trường hợp khẩn cấp thành tạm giữ người trong trường hợp khẩn cấp là một biện pháp ngăn chặn riêng, nhưng trình tự thủ tục của trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và tạm giữ người trong trường hợp khẩn cấp luật chưa phân định rõ ràng vậy nên, chắc chắn sẽ gây khó khăn trong quá trình áp dụng và cũng tạo lỗ hổng để các cá nhân lợi dụng làm trái pháp luật xâm hại các quyền cơ bản của công dân.

- *Thứ hai, việc bắt người phạm tội quả tang*: Chiếm tỷ lệ cao trong các trường hợp bắt song cũng nảy sinh một số vấn đề:

+ Việc bắt người trong trường hợp này chủ thể thực hiện việc bắt khó có thể phân biệt được ranh giới giữa vi phạm hành chính và tội phạm hình sự, hoặc nếu không có việc bắt sẽ là án hình sự, nhưng bị bắt thì người đó chỉ bị coi là vi phạm hành chính vì hậu quả xảy ra chưa đáng kể đủ để xử lý hình sự. Điển hình là các trường hợp cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại đến sức khỏe của người khác...trong thực tế việc bắt người trong trường hợp này bị lạm dụng rất nhiều đối với các vi phạm hành chính.

+ Việc bắt người phạm tội quả tang thường có diễn biến cấp bách, đột xuất nên không thể xác định ngay được độ tuổi của đối tượng; khi bị bắt những người có trách nhiệm hoặc có uy tín không có mặt kịp thời nên dẫn đến tình trạng đánh đập người bị bắt ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe của họ. Ngoài ra do Cơ quan

Cảnh sát điều tra thường tiếp nhận người bị bắt nhiều hơn là từ hoạt động chức năng của mình, do đó liên quan đến nhiều vấn đề tiếp theo như sự không thống nhất giữa Viện kiểm sát và Cơ quan điều tra trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn tiếp theo...

- *Thứ ba, việc bắt bị can, bị cáo để tạm giam*: Tỷ lệ này thấp hơn so với thực tế vì các trường hợp bị can không có dấu hiệu chống đối, không gây cản trở cho hoạt động điều tra hoặc hành vi của họ phạm vào các tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng và không thỏa mãn những quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 nên được áp dụng các biện pháp ngăn chặn khác. Từ đó nảy sinh một số vấn đề: Có sự thống nhất với nhau giữa Điều tra viên và Kiểm sát viên trong việc đề xuất biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam. Do đó dẫn đến việc không vô tư trong hoạt động tố tụng, vi phạm những quy định tại Điều 303 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003; Có trường hợp dùng giấy triệu tập để triệu tập bị can đến cơ quan hoặc trụ sở chính quyền địa phương, sau đó tuyên bố bắt đối tượng vì vậy nên việc mời người láng giềng hoặc đại diện chính quyền địa phương chứng kiến sẽ không được thực hiện, Điều tra viên tự mình hoàn tất mọi thủ tục theo trình tự pháp luật làm cho việc bắt không được khách quan.

Tóm lại, qua phân tích những vấn đề trên cho thấy những tồn tại trong việc bắt người ở địa bàn thành phố: Việc bắt người dưới 18 tuổi chưa gắn kết với hoạt động điều tra và dẫn đến sự quá tải ở các nhà tạm giữ, tạm giam; xác định các căn cứ để áp dụng trường hợp bắt cụ thể còn nhiều vấn đề bất cập, không tuân thủ những quy định của pháp luật tại Điều 303 BLTTHS năm 2003; thủ tục áp dụng các trường hợp bắt cụ thể đối với người dưới 18 tuổi vẫn chưa được quan tâm đúng mức; việc tập huấn cho các cán bộ điều tra, điều tra viên ở thành phố chưa kịp thời...

*** Những tồn tại trong thực tiễn áp dụng biện pháp tạm giữ**

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn áp dụng các quy định về biện pháp tạm giữ vẫn còn nhiều bất cập, đã gây không ít khó khăn cho những hoạt động áp dụng các quy định trên.

- Về đối tượng bị áp dụng đối với biện pháp tạm giữ

Theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Bộ luật tố tụng hình sự 2003 thì tạm giữ có thể áp dụng đối với người phạm tội tự thú, đầu thú. Mà như chúng ta đã biết, người phạm tội tự thú, đầu thú không phải là người phạm tội vì bị bắt mà họ tự nguyện trình diện khai báo hành vi phạm tội. Họ không phải là người bị bắt. Chính vì vậy, việc khoản 1 Điều 86 quy định “*Tạm giữ có thể áp dụng đối với người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc người bị bắt theo quyết định truy nã*”. Vô hình chung đã coi người phạm tội tự thú, đầu thú là người bị bắt, điều này là không hợp lý.

- Về thẩm quyền ra lệnh tạm giữ

Theo khoản 2, Điều 86 BLTTHS 2003 quy định “*những người có quyền ra lệnh bắt khẩn cấp quy định tại khoản 2, Điều 81 của bộ luật này. Chỉ huy trưởng vùng cảnh sát biển có quyền ra lệnh tạm giữ*”

Việc điều luật quy định bổ sung thêm thẩm quyền ra lệnh tạm giữ cho Chỉ huy trưởng vùng cảnh sát biển. Điều này là hoàn toàn hợp lý. Xuất phát từ thực tế hiện nay, đặc thù công việc và địa bàn hoạt động vì thế lực lượng cảnh sát biển trong một số trường hợp được giao thẩm quyền điều tra thì Thủ trưởng vùng cảnh sát biển có quyền ra lệnh tạm giữ. Tuy nhiên, hiện tại pháp luật chưa có quy định cụ thể về việc Chỉ huy trưởng vùng cảnh sát biển có thẩm quyền quyết định tạm giữ trong những trường hợp nào? Với những đối tượng nào? Chính vì vậy, về lý luận cũng như trong thực tế áp dụng còn vướng mắc, cần sự quy định rõ ràng.

- Về thời hạn tạm giữ

Theo khoản 1 Điều 87 BLTTHS 2003 quy định “*thời hạn tạm giữ không được quá ba ngày, kể từ khi cơ quan điều tra nhận người bị bắt*”

Để đạt được mục tiêu của tạm giữ, thời điểm tính thời hạn tạm giữ không phải là thời điểm bắt người. Mặt khác, để hạn chế việc giữ người trái pháp luật thì thời điểm tính thời hạn tạm giữ cũng không được tính từ khi ra lệnh tạm giữ mà được tính từ khi cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Tuy nhiên, trong thực tế áp dụng thì việc quy định như trên vẫn còn nhiều vướng mắc:

Thứ nhất: Theo quy định tại khoản 1 Điều 87 BLTTHS thì thời hạn tạm giữ được tính từ khi cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Mà theo quy định tại khoản 1 Điều 86 BLTTHS thì tạm giữ có thể áp dụng đối với người phạm tội tự thú, đầu thú. Và như chúng ta đã biết người phạm tội tự thú, đầu thú không phải là người bị bắt mà họ tự nguyện trình diện, khai báo hành vi phạm tội. Họ không phải là người bị bắt. Vậy câu hỏi đặt ra ở đây là: thời hạn tạm giữ đối với họ được tính từ thời điểm nào? Điều này chưa được pháp luật quy định.

Thứ hai: Theo quy định tại khoản 1 Điều 87 BLTTHS thì thời hạn tạm giữ không được quá ba ngày kể từ ngày cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Điều này có nghĩa là thời điểm tạm giữ được tính từ ngày cơ quan điều tra nhận người bị bắt. Mà theo quy định tại điểm c, Điều 81 BLTTHS thì: Người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời sân bay, bến cảng mới có quyền ra lệnh bắt trong trường hợp khẩn cấp, và có quyền ra quyết định tạm giữ theo khoản 2 Điều 86 BLTTHS. Tuy nhiên câu hỏi đặt ra là: Trong trường hợp tàu bay thì có thể kịp thời hạn để gia hạn để giao người bị tạm giữ cho cơ quan điều tra, nhưng trong một số trường hợp tàu biển thì khó có thể về kịp thời hạn để giao người bị tạm giữ cho cơ quan điều tra. Vậy trong trường hợp này thời hạn tạm giữ sẽ được tính như thế nào? Điều này chưa được luật quy định.

- Việc trả tự do cho người bị tạm giữ

Theo khoản 3 Điều 87 BLTTHS 2003 quy định: “*trong khi tạm giữ, nếu không đủ căn cứ khởi tố bị can thì phải trả tự do cho người bị tạm giữ.*”

Việc luật quy định trả tự do ngay cho người bị tạm giữ nếu không có đủ căn cứ khởi tố bị can là hoàn toàn hợp lý. Tuy nhiên luật lại không quy định về thẩm quyền trả tự do và thủ tục trả tự do cho người bị tạm giữ. Do đó đặt ra câu hỏi là: trong trường hợp người phải trả tự do cho người bị tạm giam thì ai có thẩm quyền trả tự do cho họ? Phải chăng là những người có thẩm quyền ra lệnh bắt tạm giữ theo khoản 2 Điều 86 thì cũng là người có thẩm quyền ra lệnh trả tự do cho người tạm giữ hay là một chủ thể khác. Và thủ tục trả tự do luật cần có quy định rõ.

- Về chế độ tạm giữ

Việc quá tải nhà tạm giữ, việc xử lý hành chính và tạm giữ theo tổ tụng hình sự còn lộn lộn nên không phân hóa được các đối tượng bị tạm giữ, có trường hợp tạm giữ người dưới 18 tuổi với đối tượng trên 18 tuổi (thành niên). Hơn nữa, việc tạm giữ nhiều người cùng một phòng sẽ gây ra tình trạng vệ sinh không đảm bảo. Một số ít cán bộ quản lý thiếu kiến thức về người dưới 18 nên họ thiếu trách nhiệm dẫn đến tình trạng người bị tạm giữ bị đối xử không đúng... Những hạn chế nói trên cần nhanh chóng khắc phục.

*** Những tồn tại trong thực tiễn áp dụng biện pháp tạm giam**

- Vương mắc trong quy định về thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra. Quy định về thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra vẫn không trùng khớp nhau làm cho việc áp dụng trên thực tế gặp phải những khó khăn nhất định.

Theo quy định tại Điều 172 BLTTHS năm 2015 thời hạn tạm giam để điều tra (kể cả gia hạn): không quá 03 tháng đối với tội ít nghiêm trọng, 5 tháng đối với tội nghiêm trọng, 7 tháng đối với tội rất nghiêm trọng và 20 tháng đối với tội đặc biệt nghiêm trọng. Trong khi đó Điều 172 BLTTHS năm 2015 lại quy định thời hạn điều tra vụ án hình sự (kể cả gia hạn) là 4 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng, 8 tháng đối với tội nghiêm trọng, 12 tháng đối với tội rất nghiêm trọng và 16 tháng đối với tội đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, thời hạn điều tra dài hơn thời hạn tạm giam để điều tra. Thực tế cho thấy trong đấu tranh phòng chống tội phạm thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam có quan hệ chặt chẽ với nhau. Trong nhiều vụ án khi hết thời hạn tạm giam nhưng thời hạn điều tra vẫn còn mà do tính chất của vụ án không thể trả tự do cho bị can. Trong những trường hợp này thì áp dụng tiếp biện pháp ngăn chặn nào là thích hợp? Hoặc nên quy định thời hạn tạm giam để điều tra và thời hạn điều tra là bằng nhau?

- Về trách nhiệm của người đề xuất, người ra lệnh và người phê chuẩn lệnh tạm giam. Có thể hiểu rằng, quan hệ giữa Thủ trưởng Cơ quan điều tra và Điều tra viên là quan hệ chỉ huy - phục tùng. Sau khi khởi tố vụ án, Thủ trưởng cơ quan điều tra trực tiếp điều tra hoặc quyết định phân công cho Điều tra viên điều tra vụ án. Từ

lúc đó, Điều tra viên có quyền tiến hành các biện pháp điều tra do BLTTHS quy định, còn việc áp dụng biện pháp tạm giam Điều tra viên chỉ có quyền đề xuất. Thủ trưởng cơ quan điều tra ký lệnh tạm giam và Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn. Vậy, nếu tạm giam trái pháp luật thì ai phải chịu trách nhiệm: Điều tra viên hay Thủ trưởng cơ quan điều tra hay là cả hai? Nếu việc tạm giam sau đó lại được Viện kiểm sát phê chuẩn thì người phê chuẩn có phải chịu trách nhiệm không? Mức độ sai phạm của bắt người trước khi có phê chuẩn được đánh giá ra sao? Thực ra hiện nay, lệnh tạm giam cần phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát thường được phê chuẩn cùng ngày ra lệnh, nhưng vẫn có một số ít trường hợp phê chuẩn sau ngày bắt bị can để tạm giam.

- Về nhận thức, tư tưởng của cơ quan áp dụng biện pháp tạm giam đối với người dưới 18 tuổi là phải xác định đúng mục đích yêu cầu nhằm ngăn ngừa bị can tiếp tục phạm tội hoặc gây khó khăn cho hoạt động điều tra, không vì mục đích trừng trị hoặc là biện pháp làm trong sạch địa bàn để xem xét thi đua. Tránh tư tưởng lấy việc bắt, tạm giam là điều kiện cho hoạt động điều tra dẫn đến quá tải, không bảo đảm quy chế tạm giam đối với người dưới 18 tuổi.

- Cần phải nắm vững những quy định của pháp luật về người chưa thành niên, đồng thời xác định thiết chế tương ứng đi kèm để vận dụng đúng và đủ. Thực tế việc áp dụng biện pháp này còn tùy tiện, không trên cơ sở những quy định của điều luật mà các chủ thể tiến hành đã tạo ra lý do để áp dụng, dựa vào ý thức cá nhân chưa tôn trọng thực tế khách quan vốn có của tài liệu. Đây là việc Điều tra viên đưa vào hồ sơ các yếu tố xác định điều kiện áp dụng bằng tài liệu thiếu chính xác, khách quan, không tuân thủ quy định của Điều 303 Bộ luật Tố tụng hình sự, các quy định pháp luật tương ứng thay đổi không kịp thời với tình hình thực tế.

Tóm lại, việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với người dưới 18 tuổi trong quá trình giải quyết vụ án hình sự là một điều cần thiết. Song bên cạnh những kết quả đạt được, cơ quan Cảnh sát điều tra thành phố cần phải nâng cao hơn nữa hiệu quả tác dụng của biện pháp ngăn chặn nhằm khắc phục những hạn chế nêu trên và đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

3.1.4.2. Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại trong việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Trung bình hàng năm cơ quan tiến hành tố tụng Việt Nam nói chung và của Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng thụ lý giải quyết rất nhiều đối tượng bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam. Do nhiều nguyên nhân khác nhau đã làm cho việc áp dụng chúng còn nhiều hạn chế.

*** Nguyên nhân khách quan**

- Nguyên nhân từ việc xây dựng văn bản pháp luật tố tụng hình sự

Pháp luật tố tụng hình sự đã có những bước phát triển đáng kể thông qua các lần sửa đổi, bổ sung; đã được pháp điển hóa song trên thực tế những quy định này còn nhiều vấn đề chưa đồng bộ, chưa thống nhất, có khi còn chồng chéo, chệch lệch, đôi, bổ sung, có những chế định không rõ ràng, thiếu sự giải thích. Trước hết, Điều 79 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định về các căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn. Các Căn cứ này không được các cơ quan có thẩm quyền giải thích nên gây ra những hạn chế: các cơ quan điều tra lấy việc áp dụng biện pháp ngăn chặn làm biện pháp khám phá tội phạm; là điều kiện để cơ quan tiến hành tố tụng không tích cực thực hiện các hoạt động tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; là một trong những nguyên nhân vi phạm quyền con người.

Trường hợp quy định về biện pháp tạm giữ không đề cập đến căn cứ áp dụng dẫn đến tình trạng áp dụng biện pháp tùy tiện, tràn lan “*hễ bắt là tạm giữ*”, nên không phát huy được hiệu quả.

Việc xác định một cách chính xác các đối tượng là người dưới 18 tuổi cần được áp dụng biện pháp ngăn chặn cụ thể nào chưa bao hàm đầy đủ, thiết kế điều luật chứa đựng nhiều ngôn ngữ đa nghĩa, đa nội dung dẫn đến cách hiểu không thống nhất, khó khăn cho việc áp dụng, dễ dẫn đến vi phạm.

Mặc dù trải qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung nhưng Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn còn những tồn tại trong các quy định về các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam. Điều này thể hiện: Có những quy định trong rõ ràng, không phù hợp với thực tế áp dụng như: chưa dự kiến hết các đối tượng cần áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ,

tạm giam; thời hạn tạm giữ, tạm giam quy định chưa phù hợp để tiến hành các hoạt động tố tụng cần thiết, đặc biệt là thời hạn tạm giam để điều tra chưa phù hợp với thời hạn điều tra; thẩm quyền ra lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam chưa thống nhất trong giai đoạn điều tra...

- Chỉ quan tâm đến việc áp dụng biện pháp ngăn chặn với tư cách là điều kiện áp dụng, đối tượng áp dụng mà chưa có sự dự đoán được tình trạng, kết quả của việc áp dụng, do vậy hiện tượng quá tải ở trại tạm giam, việc giam giữ chung người dưới 18 tuổi với các đối tượng khác là một biểu hiện của kết quả đó. Nói cách khác là làm tăng đối tượng cần áp dụng biện pháp ngăn chặn mà không đề cập đến những biện pháp bảo đảm ngăn chặn khác với người dưới 18 tuổi.

- Sự giám sát của Hội đồng nhân dân, Quốc hội đối với việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn còn hình thức, chỉ thông qua báo cáo hàng năm của Viện kiểm sát, Tòa án tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân, Quốc hội và không có biện pháp cụ thể nên tình trạng vi phạm pháp luật tuy có giảm nhưng chậm khắc phục.

- Các phương tiện, trang bị, chế độ cho các cán bộ làm công tác điều tra, quản lý nơi giam giữ chưa được ưu tiên đầy đủ làm ảnh hưởng đến năng lực hoàn thành nhiệm vụ, nhất là trang bị phương tiện kỹ thuật điều tra hiện đại để phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm dưới 18 tuổi có sử dụng kỹ thuật tin học...

- Kinh phí cho công tác xây dựng pháp luật và đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, trau dồi đạo đức của các chức danh tư pháp trong lĩnh vực bắt, tạm giữ, tạm giam chưa được đầu tư thích đáng... Từ đó dẫn đến năng lực của những người làm công tác bắt, tạm giữ, tạm giam còn hạn chế, ý thức trách nhiệm chưa cao, có trường hợp thoái hóa, biến chất về đạo đức.

*** Những nguyên nhân chủ quan**

Ngoài những nguyên nhân khách quan vừa nêu trên còn có những nguyên nhân từ phía các cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn; công tác thanh tra, kiểm tra, sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Nguyên nhân phát sinh từ phía người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn của cơ quan CSĐT

Đây là một trong những nguyên nhân cơ bản nhất gây nên những tồn tại thiếu sót trong khi áp dụng biện pháp ngăn chặn. Điều này đã ghi nhận trong nhiều tài liệu của Bộ công an về việc chấm dứt tình trạng bắt oan, sai, bức cung, nhục hình trong công tác điều tra. Lãnh đạo công an các cấp ở một số nơi thiếu tinh thần trách nhiệm, không thường xuyên kiểm tra chặt chẽ việc chấp hành pháp luật và chế độ công tác bắt, giam giữ và xử lý tội phạm về người dưới 18 tuổi, trình độ nghiệp vụ còn hạn chế; không nắm vững quy định của pháp luật đặc biệt có những trường hợp tiêu cực về kinh tế hoặc những động cơ khác có thái độ hống hách, coi thường và cố ý làm sai pháp luật. Cụ thể, những người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn do trình độ năng lực pháp luật còn hạn chế đã vận dụng không đúng các quy định của pháp luật hình sự về các biện pháp ngăn chặn như Thủ trưởng, phó Thủ trưởng công an cấp huyện vì thế dẫn đến việc có những trường hợp khi thấy có sự việc phạm tội xảy ra và phát hiện người phạm tội là đã áp dụng bắt, tạm giữ, tạm giam một cách tràn lan, thiếu căn cứ. Thêm vào đó, thái độ của một số ít người có thẩm quyền còn thiếu trách nhiệm, chưa tôn trọng các quyền cơ bản của công dân, các quyền của trẻ em (người dưới 18 tuổi) trong hoạt động tố tụng; không kiểm tra tính hợp pháp; không kịp thời hủy bỏ hoặc thay thế những biện pháp đó nêu thấy không cần thiết dẫn tới vi phạm về thời gian và quy định khác của pháp luật đối với người dưới 18 tuổi.

- Nguyên nhân từ phía Điều tra viên trong các cơ quan điều tra

Theo quy định của Luật tố tụng hình sự Điều tra viên là người tiến hành tố tụng, không có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn mà chỉ làm công tác tham mưu cho lãnh đạo Cơ quan điều tra các cấp về vấn đề này. Song một số Điều tra viên có trình độ, năng lực yếu kém, không có nhiều sự hiểu biết về người dưới 18 tuổi dẫn đến việc phân loại xử lý ban đầu để quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam chưa chặt chẽ có trường hợp còn giam giữ cả đối tượng chỉ vi phạm hành chính. Nhiều trường hợp, hành vi vi phạm pháp luật ít nghiêm trọng chưa phải xử lý

về hình sự như trộm cắp, cờ bạc, gây rối trật tự công cộng đều bị lập biên bản phạm tội quả tang và bị giam giữ theo tố tụng hình sự nhưng sau đó lại chuyển sang xử lý về hành chính. Điều này vô hình chung làm cho số lượng người dưới 18 tuổi bị tạm giữ gia tăng dẫn đến việc quá tải ở các nhà tạm giữ và làm cho việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với đối tượng này kém hiệu quả.

Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi phạm tội là hoạt động rất phức tạp, chịu ảnh hưởng nhiều yếu tố tác động trong đó có các nguyên nhân chủ quan từ phía điều tra viên. Thực tế cho thấy do tình cảm nể nang tư tưởng thành tích cá nhân, do sự nôn nóng của điều tra viên đã ảnh hưởng đến hiệu quả áp dụng.

- Nguyên nhân từ những hạn chế trong công tác thanh tra, kiểm tra

Để đảm bảo cho pháp luật nói chung được chấp hành và thực thi nghiêm chỉnh thì công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan chức năng là hết sức cần thiết đối với quá trình áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi của Cơ quan CSĐT. Vì vậy có thể nói những thiếu sót, tồn tại trong thực tiễn áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam có một nguyên nhân hạn chế từ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát pháp luật của lực lượng Cảnh sát nhân dân. Thực tế, một số quận huyện công tác kiểm tra, đôn đốc của lãnh đạo có nơi có lúc chưa kịp thời, chặt chẽ và thường xuyên, việc quản lý điều hành kiểm tra còn chung chung, chưa sâu sát, công tác thanh tra và hướng dẫn điều tra của CQĐT thành phố với Cơ quan điều tra cấp quận huyện còn hạn chế phần lớn là hướng dẫn trực tiếp khi có sai phạm. Trong việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam gây hậu quả nghiêm trọng thì việc phát hiện và xử lý chưa thật sự nghiêm túc, không được chấn chỉnh, còn mang tính nội bộ.

- Do số lượng tội phạm và người phạm tội ở người dưới 18 tăng cao

Do sự tác động của nền kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa tăng nhanh bên cạnh những mặt tích cực thì đồng thời xuất hiện những mặt tiêu cực. Mặt trái của nền kinh tế thị trường, đô thị hóa là điều kiện thuận lợi cho nạn quan liêu tham nhũng trong bộ máy nhà nước ngày càng gia tăng, sự phân hóa giàu nghèo làm nảy

sinh nhiều vấn đề phức tạp. Những yếu tố tiêu cực tác động trực tiếp đến tình hình tội phạm, đặc biệt là số lượng tội phạm của người dưới 18 tuổi gây ra ngày càng gia tăng với nhiều phương thức thủ đoạn, tinh vi, xu thế tội phạm mang tính quốc tế...đặt ra yêu cầu phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Song song với đó số lượng đội ngũ điều tra viên còn thiếu, trước những diễn biến phức tạp về tình hình tội phạm nói chung và người dưới 18 tuổi nói riêng, trước sự chống đối quyết liệt của bọn tội phạm đòi hỏi cơ quan Cảnh sát điều tra phải chủ động việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam. Vì thế, trong những chừng mực nhất định không thể tránh khỏi những hạn chế, tồn tại khi áp dụng.

- Sự phối hợp chưa chặt chẽ giữa cơ quan Cảnh sát điều tra với các cơ quan, lực lượng khác trong quá trình áp dụng các biện pháp ngăn chặn, đôi khi còn gây khó khăn cho nhau vì khâu thủ tục, thẩm quyền theo luật quy định...

3.2. Giải pháp đảm bảo việc áp dụng đúng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi

3.2.1. Nhu cầu đảm bảo việc áp dụng đúng đối với biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam người dưới 18 tuổi

- Xuất phát từ nhu cầu bảo vệ quyền con người, quyền công dân đặc biệt là người bị buộc tội

Như đã phân tích ở phần trên, người dưới 18 tuổi là đối tượng đặc biệt trong TTHS, là những chủ thể tham gia tố tụng chưa phát triển hoàn thiện về tâm sinh lý cũng như nhân cách. Do đó, đây là nhóm người rất dễ bị tổn thương khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam. Việc bắt, tạm giữ, tạm giam mà đặc biệt là đối với người dưới 18 tuổi trong Tố tụng hình sự là dạng hoạt động đặc thù của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mang tính nhạy cảm và phức tạp, tác động một cách trực tiếp đến quyền tự do dân chủ của con người, của công dân.

Do đó, việc áp dụng đúng người, đúng trường hợp đối với biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam, nhất là đối với người dưới 18 tuổi là nhu cầu hết sức quan trọng. Nó góp phần bảo vệ quyền con người, quyền công dân, là quyền đã được Hiến pháp quy định và Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm trong giai đoạn hiện nay.

- Xuất phát từ vướng mắc thực tiễn

Qua phân tích thực tiễn ở phần 3.1.4.1 có thể thấy, việc bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi trên thực tế còn nhiều vấn đề vướng mắc như: đối với biện pháp bắt người vẫn còn bị lạm dụng nhiều ở các địa phương; Đội ngũ Điều tra viên nói riêng và chủ thể tiến hành tố tụng nói riêng còn hạn chế về kiến thức chuyên môn đặc biệt kiến thức đối với lứa tuổi dưới 18; sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng không được nhịp nhàng và tính thống nhất không cao; chưa mạnh tay xử lý các đối tượng vi phạm mà chạy theo thành tích cá nhân; một số trường hợp Điều tra viên không vô tư trong khi làm nhiệm vụ... Ngoài ra công tác kiểm tra giám sát chưa kịp thời, chặt chẽ và thường xuyên, việc quản lý điều hành kiểm tra còn chung chung, chưa sâu sát, nhiều nơi còn mang tính hình thức và làm cho có, không chú trọng đến hiệu quả và mục đích...

- Xuất phát từ hạn chế của pháp luật

Qua tổng kết hoạt quá trình áp dụng Bộ luật Tố tụng hình sự 2003 cho thấy, các quy định của Bộ luật đã góp phần tích cực vào việc đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, nêu cao trách nhiệm, tính chủ động của cơ quan và của người tiến hành tố tụng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự. Tuy nhiên, quá trình hơn 10 năm triển khai áp dụng, Bộ luật Tố tụng dân sự 2003 đã bộc lộ nhiều điểm hạn chế, không còn phù hợp trong tình hình mới. Đặc biệt là những hạn chế trong các quy định về bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi như Căn cứ bắt khẩn cấp chưa rõ ràng, cụ thể, còn có sự lạm dụng biện pháp bắt khẩn cấp, nhất là đối với người dưới 18 tuổi; Thẩm quyền bắt, tạm giữ, tạm giam trong một số trường hợp chưa được quy định rõ ràng; Quy định về thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra chưa thống nhất; Nhiều cá nhân điều tra viên, cán bộ quản lý trại tạm giam và những cá nhân có thẩm quyền khác chưa am hiểu các quy định của pháp luật trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi dẫn đến thực hiện không đúng hoặc thực hiện không hết trách nhiệm của mình...

Trên cơ sở tiếp thu những tiến bộ và rút kinh nghiệm thực tiễn áp dụng trong đời sống xã hội, Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được xây dựng trên cơ sở khoa học, nhiều quy định tiến bộ, đảm bảo quyền con người, quyền công dân đã được pháp điển hoá. Tuy nhiên do điều kiện ban hành vội vã, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có nhiều khiếm khuyết về mặt kỹ thuật cần phải xem xét và sửa chữa lại và chưa được áp dụng. Nhu cầu hoàn thiện quy định pháp luật TTHS nói chung và quy định về bắt, tạm giữ, tạm giam nói riêng là nhu cầu tất yếu, khách quan. Thiết nghĩ, các nhà làm luật cần thiết phải nghiên cứu tồn tại thực tiễn, hạn chế của các quy định đặc biệt là các quy định về bắt, tạm giữ, tạm giam để ngày càng hoàn thiện hơn các quy định của pháp luật TTHS nhằm đảm bảo áp dụng đúng việc bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi.

- Xuất phát từ yêu cầu của cải cách tư pháp

Nghị quyết số 49-NQ/TW, ngày 02-6-2005 của Bộ Chính trị “Về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020” là một nội dung quan trọng trong đường lối đổi mới toàn diện đất nước của Đảng. Tổng kết quá trình thực hiện cho đến nay đã đạt được một số thành tựu quan trọng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều nhiệm vụ của Chiến lược cải cách tư pháp chưa thực hiện được. Hoạt động của các cơ quan tư pháp vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Theo báo cáo số 35-BC/CCTP ngày 13/3/2014 của Ban chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương nhận xét : “Nhìn chung, việc xây dựng, hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự, dân sự và tố tụng tư pháp đã được các cấp, các ngành quan tâm triển khai thực hiện đạt được một số kết quả bước đầu quan trọng. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều chủ trương chưa được thể chế hóa đầy đủ, kịp thời như: tăng cường tranh tụng tại phiên tòa; phân định thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng; giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ; quy định trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn đối với người có thẩm quyền trong thực thi pháp luật, những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; xác định rõ căn cứ tạm giam, hạn chế áp dụng biện

pháp tạm giam đối với một số loại tội phạm; thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp tạm giam...”.

Do vậy, có thể nói, đảm bảo việc áp dụng đúng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi là nhu cầu đặt ra cho tất cả chúng ta trong giai đoạn hiện nay nhằm thực tốt “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*” theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị.

3.2.2 Các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo việc áp dụng đúng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi

Từ thực trạng quy định và áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam trong thời gian qua cũng như nhu cầu bảo đảm hoạt động này trong thời gian tới có thể thấy: quy định và áp dụng các BPNC bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi trong BLTTHS trong những năm qua đã đạt được nhiều thành tích rất đáng khích lệ, song đã bộc lộ nhiều thiếu sót, vướng mắc, bất cập cần phải được giải quyết và tháo gỡ.

Xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan, khách quan đã được thực tiễn chứng minh, đúc kết, sau và từ những nhu cầu đảm bảo việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam, sau đây là một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đảm bảo việc áp dụng đúng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam:

*** Hoàn thiện hệ thống những quy định của pháp luật có liên quan đến việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội**

- Thứ nhất, về hoạt động xây dựng, ban hành pháp luật

Một là, Điều 109 BLTTHS năm 2015 không quy định rõ ràng các căn cứ chung khi áp dụng biện pháp ngăn chặn như: để kịp thời ngăn chặn tội phạm, khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo...có phải là căn cứ chung như trước không hay bỏ nội dung này? Vậy nên cần có văn bản hướng dẫn cụ thể để có sự thống nhất trong cách hiểu có như vậy thì không sẽ phù hợp hơn và không thừa nội dung.

Hai là, sửa lại “ngày” thành “ngày đêm” trong các quy định về tạm giữ và bổ sung căn cứ áp dụng biện pháp tạm giữ. Cụ thể “*Thời hạn tạm giữ không*

được quá ba ngày đêm, kể từ khi Cơ quan điều tra nhận người bị bắt...” Khoản 1 Điều 118.

Ba là, cần thiết phải có hướng dẫn chính thức về việc các cơ quan như Hải quan, Kiểm lâm... được tham gia vào một số hoạt động cụ thể trong việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ; quy định cụ thể mức thời hạn phê chuẩn của VKS theo từng loại vụ án đơn giản hoặc phức tạp, kể từ khi nhận được công văn đề nghị phê chuẩn và tài liệu về vụ án. Ngoài ra, việc quy định nhiều chủ thể ra lệnh hoặc quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam gây khó khăn cho quá trình tố tụng, dẫn đến tình trạng chòng chéo, khó kiểm soát trong khi áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam vì vậy đây là nguyên nhân gây quá tải cho các nhà tạm giữ, trại tạm giam như hiện nay. Do đó, cần nghiên cứu, xem xét theo hướng hạn chế chủ thể có thẩm quyền ra lệnh, quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam để thống nhất trong thực tế.

Bốn là, đối với trường hợp tạm giữ đối với người tự thú, đầu thú cần phải quy định rõ: trường hợp cần thiết phải tạm giữ đối với người phạm tội ra tự thú, đầu thú là các trường hợp người tự thú, đầu thú phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc rất nghiêm trọng nhưng có nhân thân xấu, không có nơi cư trú ổn định... còn những trường hợp khác thì không cần thiết vì có trường hợp những người này phạm tội ở các mức độ khác nhau, có hoàn cảnh, nhân thân khác nhau...

Năm là, cần phải có văn bản hướng dẫn cụ thể nội dung tại Điều 419

“Trường hợp cần thiết”: theo tôi có thể liệt kê một trong các trường hợp sau: Đã bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác nhưng vi phạm; Không có nơi cư trú rõ ràng hoặc không xác định được lý lịch của bị can; Bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã hoặc có dấu hiệu bỏ trốn; Tiếp tục phạm tội hoặc có dấu hiệu tiếp tục phạm tội; Có hành vi cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu huỷ, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật của vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm và người thân thích của những người này; phụ nữ đang có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi...

Hay *“...có căn cứ cho rằng việc áp dụng biện pháp giám sát và các biện pháp không hiệu quả”*: vậy như thế nào là căn cứ, biện pháp giám sát, biện pháp

ngăn chặn khác không hiệu quả... vấn đề này cũng cần có văn bản hướng dẫn cụ thể có như vậy mới có cách hiểu thống nhất và quá trình áp dụng mới được chặt chẽ và đảm bảo đúng nguyên tắc về xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Ngoài ra cần phải quy định rõ hơn về thời hạn tạm giữ đối với người dưới 18 tuổi khi vi phạm.

- Thứ hai, về mặt áp dụng pháp luật

Đối với cơ quan điều tra, trước tiên và quan trọng nhất là nâng cao chất lượng công tác áp dụng biện pháp bắt khẩn cấp nhằm khắc phục tình trạng lạm dụng bắt khẩn cấp; *thứ hai*, tuyệt đối chấp hành các quyết định không phê chuẩn của bắt khẩn cấp, gia hạn tạm giữ của Viện kiểm sát; *thứ ba*, chấm dứt những sự việc nhục hình, tra tấn, mớm cung trong điều tra. Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật trong điều tra và *thứ tư*, thụ lý giải quyết dứt điểm cho các trường hợp yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại cho người bị oan, sai.

Đối với Viện kiểm sát trong giai đoạn điều tra, với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự, Viện kiểm sát có vai trò quyết định trong việc sử dụng các biện pháp ngăn chặn có tính nghiêm khắc hơn cả cùng các hoạt động điều tra. Cho nên, khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị phê chuẩn bắt khẩn cấp, Kiểm sát viên cần xác định tài liệu có trong hồ sơ vụ án bảo đảm các căn cứ được quy định tại Điều 81 BLTTHS năm 2003 và hay không hoặc là gặp đối tượng bị bắt để lấy lời khai làm rõ trường hợp bắt cũng như hành vi phạm tội của họ.

Khi nghiên cứu hồ sơ phê chuẩn bắt bị can, bị cáo để tạm giam hoặc để tạm giam, cần đặt vấn đề nên áp dụng biện pháp ngăn chặn khác hay không đối với trường hợp ít nghiêm trọng, nghiêm trọng do người dưới 18 tuổi phạm tội.

*** Các giải pháp khác**

- Nâng cao nhận thức của Lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội trong việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi

Nhận thức pháp luật và ý thức pháp luật có quan hệ mật thiết với nhau. Có nhận thức đúng thì mới chấp hành đúng và ngược lại. Trong Tố tụng hình sự, hoạt

động áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam và một số hoạt động khác do Điều tra viên trực tiếp thực hiện nên việc nâng cao trình độ chuyên môn, kiến thức pháp luật, cũng như đạo đức nghề nghiệp cho Điều tra viên có ý nghĩa quan trọng để nâng cao hiệu quả của hoạt động tố tụng nói chung và sử dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam nói riêng. Để làm tốt công việc ấy thì cần phải: xác định tư tưởng “*trọng chứng cứ hơn trọng cung*” cho Điều tra viên để khắc phục tình trạng “*bắt thay cho điều tra*”; tổ chức cho tất cả cán bộ làm công tác điều tra tội phạm học tập nghiên cứu các quy định về bắt bị can, bị cáo để tạm giam, bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, tạm giữ, tạm giam và trường hợp áp dụng biện pháp cưỡng chế, biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi tại các Điều Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 quy định.

Bồi dưỡng kiến thức pháp luật cho Công an cơ sở là nhu cầu cần thiết, cụ thể: bồi dưỡng kiến thức pháp luật về các loại vi phạm: hành chính, dân sự, hình sự, kinh tế, đất đai... quan trọng nhất là phân biệt được vi phạm hành chính và vi phạm hình sự; bồi dưỡng kiến thức về lập biên bản các trường hợp với những nội dung cần thiết được thể hiện trong đó; bồi dưỡng những kiến thức liên quan đến Luật thi hành tạm giữ, tạm giam năm 2015 cho giám thị, quản giáo trại giam, trưởng và phó nhà tạm giữ; quan tâm đào tạo Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán theo chương trình chính quy cử nhân luật để có chất lượng đào tạo tốt hơn;...

- Làm tốt công tác thanh tra, kiểm tra việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự nhằm đảm bảo các quyền cơ bản của công dân

Thực hiện tốt công tác kiểm tra định kỳ và đột xuất hoạt động áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người dưới 18 tuổi trong TTHS Việt Nam của các Ngành, các lực lượng. Phải coi trọng việc này vì đây là một trong những công tác quan trọng trong việc bảo vệ pháp chế XHCN, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Và phải tiến hành một cách triệt để chứ phải làm lấy lệ, cho có hay vì thành tích thi đua.

Chú trọng giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo về sai phạm của các cơ quan chức năng trong việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam để bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho công dân và các cơ quan hữu quan.

- Nâng cao công tác phối hợp của các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm thực hiện tốt việc áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Cần quán triệt đầy đủ quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về áp dụng biện pháp ngăn chặn nói chung và biện pháp ngăn chặn với người dưới 18 tuổi nói riêng, trách nhiệm của Viện kiểm sát đối với trường hợp áp dụng các biện pháp ngăn chặn sai.

Các ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án cần phối hợp tổ chức tập huấn những quy định về các biện pháp ngăn chặn để thống nhất thực hiện, phổ biến những vi phạm trong thực tiễn áp dụng để rút kinh nghiệm cho cán bộ làm công tác điều tra, truy tố, xét xử và phòng ngừa tích cực không để vi phạm xảy ra.

Các cơ quan truyền thông đại chúng cần tích cực hơn nữa trong việc tham gia công tác phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm, biểu dương những cán bộ Tư pháp dũng cảm chống tội phạm bảo vệ công lý, phê phán những hành vi tiêu cực, vô trách nhiệm của một số cán bộ trong hoạt động tư pháp nói chung, trong việc áp dụng biện pháp cưỡng chế tố tụng hình sự nói riêng.

- Tuyên truyền giáo dục pháp luật cho quần chúng nhân dân, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật là điều kiện để bảo đảm việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn

Tuyên truyền để nhân dân hiểu biết về pháp luật và thực hiện đúng các quy định trong việc trình báo các vụ việc vi phạm. Nhân dân có quyền và trách nhiệm tham gia đấu tranh phòng ngừa và chống các hành vi vi phạm pháp luật. Qua hoạt động tuyên truyền phổ biến pháp luật làm cho người dân hiểu được quyền và nghĩa vụ của mình trong việc thực hiện các quy định của pháp luật, nhất là trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ với tư cách là người bị áp dụng các biện pháp ngăn chặn

trong tố tụng hình sự. Bản thân họ phải có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Khi dân hiểu biết về pháp luật thì có thể giám sát được việc làm của các cơ quan bảo vệ pháp luật đồng thời hạn chế được những tình huống trong thực tế đã xảy ra như khi bắt người phạm tội quả tang, tránh có hành vi xâm hại đến tính mạng, sức khỏe, danh dự nhân phẩm của người bị bắt. Làm tốt vấn đề này cơ quan CSĐT phải phối hợp chặt chẽ với các sở ban ngành như Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ, Đoàn thanh niên, Sở lao động thương binh và xã hội, Sở giáo dục và đào tạo... để tuyên truyền, giáo dục và phổ biến pháp luật; công tác phòng chống tội phạm về tệ nạn xã hội. Kết hợp với gia đình, nhà trường và các ngành liên quan quản lý, giáo dục học sinh ở môi trường: Gia đình - Nhà trường - xã hội. Trên cơ sở đó thực hiện tốt chương trình quốc gia phòng chống tội phạm và Đề án 4 (*Đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm hại trẻ em và tội phạm trong lứa tuổi vị thành niên*) mà Công an các tỉnh, thành phố đã và đang triển khai thực hiện.

Kết luận chương 3

Vận dụng các quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội vào thực tiễn trong thời gian qua, nhìn chung Cơ quan CSĐT Công an thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, đúng đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước.

Bên cạnh những kết quả đạt được, thực tiễn hoạt động áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến giữa năm 2016 cũng đã bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế. Hạn chế từ thực tiễn áp dụng cũng như những vướng mắc về vấn đề lập pháp. Có nhiều nguyên nhân khác nhau, từ các quy định của pháp luật chưa phù hợp, từ cách hiểu và áp dụng của người tiến hành tố tụng, từ mối liên hệ, phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng...

Qua phân tích thực tiễn áp dụng các biện pháp nói trên đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trên địa bàn thành phố, luận văn đã chỉ ra được những hạn chế, tồn tại, vướng mắc và những nguyên nhân của nó, trong chương 3 này cũng đã đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, góp phần thực hiện thắng lợi công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đang đề ra, tạo nền tảng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện quản lý và điều chỉnh đất nước bằng pháp luật.

KẾT LUẬN

“Giành tất cả những gì tốt đẹp nhất cho trẻ em” là mục tiêu quan trọng đối với Việt Nam và các nước trên tham gia Công ước về Quyền trẻ em.

Trong tình hình tội phạm nói chung và tội phạm cho người dưới 18 tuổi thực hiện nói riêng ngày càng diễn biến phức tạp đã và đang trở thành sự quan tâm, lo lắng của nhiều nước trên thế giới, nếu không có sự quan tâm đúng mực của Nhà nước thì hậu quả không chỉ trước mắt mà còn là gánh nặng cho thế hệ mai sau. Ở Việt Nam, vấn đề này đang thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, đặc biệt là các cơ quan bảo vệ pháp luật, đòi hỏi Nhà nước cần có những chính sách phù hợp không chỉ với những quy định trong Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, mà còn phải phù hợp với truyền thống, đạo đức của dân tộc, qua đó bảo đảm cho sự phát triển của thế hệ tương lai đất nước. Việc tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện hệ thống pháp luật về việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội nói chung và việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam với họ nói riêng, hiển nhiên cũng nhằm góp phần thực hiện mục tiêu là giành tất cả những gì tốt đẹp nhất cho trẻ em như đã đề cập ở trên.

Mặc dù BLTTHS đã có những quy định riêng liên quan đến người dưới 18 tuổi nhưng thực tiễn áp dụng còn nhiều sai sót cần khắc phục. Qua những vấn đề về lý luận và thực tiễn áp dụng các quy định của BLTTHS chúng ta cần phải tập trung nghiên cứu và hoàn thiện các quy định này đồng thời thống nhất trong cách áp dụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng và những cơ quan, những người có thẩm quyền có như vậy thì mới mang lại hiệu quả cao trong hoạt động giải quyết vụ án. Bên cạnh đó các cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án cần có sự phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc bắt, giữ, giam các đối tượng dưới 18 tuổi; tổ chức những Hội thảo trao đổi kinh nghiệm, Hội nghị hướng dẫn chuyên đề...

Cùng với sự hoàn thiện của pháp luật nói chung, những quy định về tố tụng hình sự đối với người dưới 18 tuổi đã đạt được những bước tiến triển quan trọng và ngày càng được đổi mới, hoàn thiện./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thanh Bình, Nguyễn Vạn Nguyên (1990), *Những điều cần biết về bắt người, tạm giữ, tạm giam đúng pháp luật*, Nxb Pháp lý, Hà Nội.
2. Nguyễn Đình Bình (2008), *Một số ý kiến về việc hoàn thiện các quy định về các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự*, Tạp chí Kiểm sát, (số 14), tr. 7-12.
3. Bộ tư pháp (1998), *Sưu tập chuyên đề, những vấn đề về lý luận hình sự, TTHS và tội phạm học*, Hà Nội.
4. Nguyễn Mai Bộ (2006), *Áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Tòa án, (số 2), tr. 4-9.
5. Nguyễn Mai Bộ (1997), *Các biện pháp ngăn chặn trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
6. Lê Cẩm - Nguyễn Ngọc Chí (2004), *Cải cách tư pháp ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
7. Chủ tịch nước (1946), *Sắc lệnh số 13-SL ngày 24/01/1946 về tổ chức các Tòa án và các ngạch Thẩm phán*, Hà Nội.
8. Nguyễn Văn Điệp (2005), *Các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam. Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Luận án Tiến sỹ, Hà Nội.
9. Nguyễn Văn Điệp (2005), *Các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự Việt Nam. Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Luận án Tiến sỹ, Hà Nội.
10. Trần Văn Độ (2011), *Giáo trình luật tố tụng hình sự Việt Nam: dùng cho các trường đại học, cao đẳng Luật, An ninh, Cảnh sát, Học viện tư pháp*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2000), *Các nghị quyết của Trung ương Đảng 1996 - 1999*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Hà Nội.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 24/5/2005 của Bộ chính trị về chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
15. Nguyễn Sơn Hà (2014), *Hoàn thiện các quy định về biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự nhằm bảo đảm quyền của bị can, bị cáo đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*, Tạp chí Kiểm sát, (số 3), tr. 16 - 20.
16. Nguyễn Văn Hoàng (2008), *Áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội trên địa bàn tỉnh Hà Tây của cơ quan cảnh sát điều tra*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Cảnh sát Nhân dân.
17. Nguyễn Thị Thu Hoài (2015), *Các biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội (trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn địa bàn tỉnh Hải Dương)*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội.
18. Bùi Long Hưng (2015), *Biện pháp ngăn chặn áp dụng đối với người chưa thành niên trong Tố tụng hình sự Việt Nam (Trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Hà Nam)*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội.
19. Học viện Cảnh sát Nhân dân (1986), *Giáo trình Chiến thuật điều tra hình sự*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
20. Học viện Cảnh sát nhân dân (1986), *Sổ tay điều tra hình sự*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
21. Liên Hiệp Quốc (1989), *Công ước quốc tế về quyền trẻ em*.
22. Lưu Xuân Lợi (2015), *Biện pháp tạm giữ trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sĩ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
23. Đoàn Tấn Minh (2009), *Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự*, Tạp chí Tòa án, (số 1), tr. 7 - 13.

24. Phạm Quang Mỹ - Phạm Hữu Kỳ (1983), *Những điều cần biết về bắt, giữ, khám xét*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
25. Đặng Thanh Nga, Trương Quang Vinh (2011), *Người chưa thành niên phạm tội, đặc điểm tâm lý và chính sách xử lý*, Nxb Tư pháp.
26. Nguyễn Vạn Nguyên (1995), *Các biện pháp ngăn chặn và vấn đề nâng cao hiệu quả của chúng*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
27. Vũ Văn Nhiêm (2001), *Căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Tạp chí Tòa án, (số 5), tr. 10-15.
28. Nguyễn Trọng Phúc (2010), *Chế định các biện pháp ngăn chặn theo luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận án Tiến sỹ luật học, Khoa luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.
29. Quốc hội (1959), *Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Quốc hội (1976), *Hiến pháp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc hội (1980), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
32. Quốc hội (1985), *Bộ luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. Quốc hội (1988), *Bộ luật hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Quốc hội (1992), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
35. Quốc hội (2001), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sửa đổi bổ sung năm 2001)*, Hà Nội.
36. Quốc hội (2003), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
37. Quốc hội (2005), *Bộ luật Dân sự*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
38. Quốc hội (2009), *Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Hà Nội.
39. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 (sửa đổi, bổ sung năm 2013)*, Hà Nội.

40. Quốc hội (2015), *Bộ luật Tố tụng hình sự*, Hà Nội.
41. Lê Hữu Soái (2015), *Áp dụng các biện pháp ngăn chặn đối với bị can, bị cáo là người chưa thành niên phạm tội theo Luật Tố tụng hình sự Việt Nam (trên cơ sở số liệu thực tiễn địa bàn tỉnh Đắk Lắk)*, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa luật - Đại học quốc gia Hà Nội.
42. Đăng Kim Sơn (2009), *Cần sớm sửa đổi bộ luật tố tụng hình sự về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với người chưa thành niên phạm tội*, Tạp chí Kiểm sát, (số 4), tr. 19-23.
43. Phùng Văn Tài (2012), *Những vướng mắc trong công việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự và kiến nghị sửa đổi, bổ sung*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 1), tr. 5-9.
44. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam.
45. Trường Đại học Quốc gia Hà Nội (2007), *Giáo trình Luật Tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
46. Nguyễn Như Ý (Chủ biên) (1998), *Từ điển tiếng Việt thông dụng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
47. Võ Khánh Vinh chủ biên (2004), *Bình luật Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2003*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.